

Tài liệu này chỉ có giá trị tham khảo.

► **B**

**QUY CHẾ SỐ 384/96 (CE) NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1995**  
**của Hội đồng Liên minh Châu Âu**  
**về chống nhập khẩu hàng hóa bán phá giá**  
**từ các nước ngoài Cộng đồng Châu Âu**

(Công báo số L 56 ngày 6/3/1996, tr. 1)

Sửa đổi, bổ sung bởi:

		Công báo		
		Số	Trang	Ngày
► <b><u>M1</u></b>	Quy chế (CE) số 2331/96 ngày 2 tháng 12 năm 1996 của Hội đồng Liên minh Châu Âu	L 317	1	6/12/1996
► <b><u>M2</u></b>	Quy chế (CE) số 905/98 ngày 27 tháng 4 năm 1998 của Hội đồng Liên minh Châu Âu	L 128	18	30/4/1998
► <b><u>M3</u></b>	Quy chế (CE) số 2238/2000 ngày 9 tháng 10 năm 2000 của Hội đồng Liên minh Châu Âu	L 257	2	11/10/2000
► <b><u>M4</u></b>	Quy chế (CE) số 1972/2002 ngày 5 tháng 11 năm 2002 của Hội đồng Liên minh Châu Âu	L 305	1	7/11/2002
► <b><u>M5</u></b>	Quy chế (CE) số 461/2004 ngày 8 tháng 3 năm 2004 của Hội đồng Liên minh Châu Âu	L 77	12	13/3/2004

Đính chính bởi:

- **C1** Văn bản đính chính đăng trên Công báo số L 94 ngày 9/4/1999, tr. 27 (905/98)
- **C2** Văn bản đính chính đăng trên Công báo số L 263 ngày 18/10/2000, tr. 34 (905/98)

## ▼B

**QUY CHẾ SỐ 384/96 (CE) NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1995  
CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG LIÊN MINH CHÂU ÂU****về chống nhập khẩu hàng hóa bán phá giá  
từ các nước ngoài Cộng đồng Châu Âu**

## HỘI ĐỒNG LIÊN MINH CHÂU ÂU

Căn cứ Hiệp định thành lập Cộng đồng Châu Âu và đặc biệt là Điều 113 Hiệp định này,

Căn cứ các quy chế phối hợp tổ chức thị trường nông nghiệp, các quy định hướng dẫn thi hành Điều 235 Hiệp định thành lập Cộng đồng Châu Âu đối với hàng hóa được chế biến từ nông sản và đặc biệt là các điều khoản miễn áp dụng nguyên tắc thay thế biện pháp ngăn chặn tại biên giới bằng biện pháp quy định tại các quy chế trên,

Theo đề nghị của Ủy ban Châu Âu <sup>(1)</sup>

Trên cơ sở tham khảo ý kiến của Nghị viện Châu Âu <sup>(2)</sup>

- (1) Xét thấy rằng theo quy chế số 2423/88 (CEE) <sup>(3)</sup>, Hội đồng Liên minh Châu Âu đã thiết lập một cơ chế chung chống nhập khẩu hàng hóa bán phá giá hoặc hàng hóa được trợ giá từ các nước ngoài Cộng đồng Châu Âu;
- (2) Xét thấy rằng việc thiết lập cơ chế này hoàn toàn phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế hiện tại, đặc biệt là các nghĩa vụ xuất phát từ Điều VI Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch (sau đây gọi tắt là "GATT"), từ Hiệp định về thi hành Điều VI GATT (Bộ luật chống bán phá giá năm 1979) và từ Hiệp định hướng dẫn thi hành các Điều VI, XVI và XXIII GATT (Bộ luật về trợ cấp và thuế đối kháng);
- (3) Xét thấy rằng trên nền tảng của các thỏa thuận thương mại đa phương ký kết năm 1994, nhiều hiệp định mới về thi hành Điều VI GATT đã được xây dựng, do vậy, cần phải sửa đổi các quy định của Cộng đồng Châu Âu sao cho phù hợp với các hiệp định mới; đồng thời, do sự khác biệt về mặt bản chất giữa các quy định mới về hành vi bán phá giá và hành vi trợ giá, Cộng đồng cần phải xây dựng những quy định riêng về bán phá giá và trợ giá cũng như quy chế riêng về chống trợ giá và về thuế đối kháng;
- (4) Xét thấy rằng khi áp dụng các quy định này, Cộng đồng Châu Âu cần phải chú ý đến cách giải thích quy định của các đối tác thương mại chính, để cân đối giữa các quyền và nghĩa vụ quy định tại hiệp định ký kết trong khuôn khổ của GATT;
- (5) Xét thấy rằng Hiệp định về thi hành Điều VI GATT 1994 – Hiệp định mới về bán phá giá (sau đây gọi tắt là Hiệp định chống bán phá giá năm 1994) – đã đưa ra những quy định mới và chi tiết, đặc biệt là về cách tính biên độ phá giá, thủ tục mở điều tra

<sup>(1)</sup> Công báo số L 209 ngày 2/8/1988, tr. 1. Quy chế này được sửa đổi lần gần đây nhất bởi Quy chế số 522/94 (CE) (Công báo số L 66 ngày 10/3/1994, tr. 10).

<sup>(2)</sup> Công báo số C 17 ngày 22/1/1996.

<sup>(3)</sup> Công báo số C 319 ngày 30/11/1995.

và tiến hành điều tra chống bán phá giá, quá trình thu thập và xử lý thông tin, áp dụng các biện pháp tạm thời, áp dụng thuế và thu thuế chống bán phá giá, thời hạn áp dụng biện pháp chống phá giá, việc rà soát lại quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá và phổ biến các thông tin về điều tra chống phá giá; rằng với những thay đổi lớn nêu trên, Liên minh cần phải nhanh chóng chuyển hóa những quy định mới vào hệ thống quy phạm pháp luật Cộng đồng nhằm áp dụng thống nhất và phù hợp các quy định này;

- (6) Xét thấy rằng cần phải quy định rõ ràng và chi tiết về cách tính giá trị thông thường, trong đó, đặc biệt cần nêu rõ, giá trị thông thường trong mọi trường hợp đều phải căn cứ theo hành vi bán hàng có tính tiêu biểu, thực hiện tại nước xuất khẩu trong các điều kiện thương mại thông thường; rằng cần phải định nghĩa về hành vi bán lỗ vốn và bán tổng hàng hóa trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu và quy định hàng bán lỗ vốn hoặc bán tổng không được sử dụng để tính giá trị thông thường cấu thành hoặc không được bán sang một nước thứ ba; rằng cũng cần phải xác định chính xác các chi phí, kể cả các chi phí trong thời kỳ khởi nghiệp của doanh nghiệp cũng như đưa ra định nghĩa về "tình hình khởi nghiệp", "thời kỳ khởi nghiệp" và cách tính chi phí trong thời kỳ khởi nghiệp; ngoài ra, để tính giá trị thông thường, cũng cần phải nêu rõ phương pháp tính chi phí bán hàng, chi phí hành chính, các chi phí quản lý chung khác và biên độ lợi nhuận trong giá trị thông thường;
- (7) Xét thấy rằng cần phải quy định về thủ tục lựa chọn nước thứ ba có nền kinh tế thị trường phù hợp để làm nước đối chứng nhằm xác định giá trị thông thường đối với các nước có nền kinh tế phi thị trường. Trong trường hợp không chọn được nước thứ ba phù hợp, cần thiết phải có quy định cho phép tính giá trị thông thường theo các căn cứ hợp lý khác;
- (8) Xét thấy rằng cần phải xác định giá xuất khẩu và quy định về những điều chỉnh cần thiết nếu xét thấy cần phải xác định lại giá xuất khẩu trên cơ sở căn cứ vào giá bán lại hàng hóa nhập khẩu cho người mua độc lập đầu tiên trên thị trường tự do.
- (9) Xét thấy rằng nhằm so sánh chính xác giá xuất khẩu và giá trị thông thường, cần liệt kê những yếu tố có thể tác động đến giá và khả năng so sánh giá, đồng thời phải quy định cụ thể về thời điểm và cách thức tiến hành điều chỉnh trên cơ sở hạn chế tối đa những điều chỉnh trùng lặp; rằng cũng cần phải có quy định cho phép sử dụng giá trung bình để so sánh giữa giá xuất khẩu với giá trị thông thường, ngay cả khi giá xuất khẩu từng giao dịch có thể so sánh được với bình quân gia quyền giá trị thông thường, nếu giá xuất khẩu từng giao dịch thay đổi theo mỗi người mua, mỗi vùng hoặc mỗi thời điểm khác nhau;
- (10) Xét thấy rằng cần phải xác định rõ ràng và cụ thể các yếu tố cho phép xác định mức độ thiệt hại thực tế và nguy cơ thiệt hại của hành vi nhập khẩu hàng hóa bán phá giá; rằng cần phải tính đến tác động của các yếu tố khác và đặc biệt là các điều kiện của thị trường ở quy mô Cộng đồng trong quá trình chứng minh thiệt hại do khối lượng hàng hóa nhập khẩu và mức giá nhập khẩu hàng hóa có liên quan gây ra đối với ngành sản xuất Cộng đồng;
- (11) Xét thấy rằng cần phải định nghĩa khái niệm "quan hệ" và "ngành sản xuất Cộng đồng" đồng thời quy định rằng khái niệm "ngành sản xuất Cộng đồng" có thể không

bao gồm các bên có quan hệ với bên xuất khẩu; rằng cũng cần có quy định cho phép tiến hành hoạt động chống bán phá giá với tư cách là đại diện của Hiệp hội các nhà sản xuất của một vùng thuộc Cộng đồng và nêu rõ tiêu chí để xác định vùng.

- (12) Xét thấy rằng cần phải xác định các bên có quyền đề nghị điều tra chống bán phá giá và tầm quan trọng của công tác hỗ trợ từ phía ngành sản xuất Cộng đồng đối với hoạt động chống bán phá giá, cũng như phải nêu rõ các thông tin cần có trong đơn đề nghị điều tra như thông tin về hành vi bán phá giá, mức độ thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại xảy ra; ngoài ra, cũng cần phải quy định cụ thể về thủ tục bác đơn đề nghị điều tra hoặc thủ tục mở điều tra chống bán phá giá;
- (13) Xét thấy rằng cần phải xác định phương thức thông báo cho các bên có liên quan về những thông tin do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời, tạo mọi điều kiện cho các bên trong việc cung cấp bằng chứng và bảo vệ lợi ích của mình; rằng cũng cần phải quy định rõ ràng về thủ tục điều tra chống bán phá giá và đặc biệt là về nghĩa vụ của các bên trong việc, gặp gỡ tiếp xúc với bên có quyền lợi đối nghịch để trao đổi về quan điểm và trong việc cung cấp thông tin đúng thời hạn quy định; ngoài ra, cũng cần phải quy định về điều kiện theo đó một bên được phép tiếp cận với những thông tin do các bên liên quan khác cung cấp và đưa ra quan điểm riêng của mình về những thông tin này; và rằng cần phải thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các nước thành viên và Ủy ban Châu Âu trong việc thu thập thông tin;
- (14) Xét thấy rằng cần phải quy định các điều kiện cho phép áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời nhưng phải đặc biệt nêu rõ thuế chống bán phá giá tạm thời không được phép áp dụng trước 60 ngày và sau 9 tháng kể từ thời điểm bắt đầu điều tra; đồng thời, vì những lý do về mặt hành chính, cần phải quy định rằng trong mọi trường hợp, Ủy ban Châu Âu có thể tiến hành áp thuế một đợt cho cả giai đoạn 9 tháng hoặc chia thành hai đợt, một đợt 6 tháng và một đợt 3 tháng;
- (15) Xét thấy rằng nên đi theo hướng quy định thủ tục cho phép các bên cam kết chấm dứt hành vi bán phá giá và hành vi gây thiệt hại hơn là áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời hoặc thuế chống bán phá giá chính thức; rằng cũng cần thiết phải quy định biện pháp chế tài xử phạt vi phạm cam kết hoặc hủy bỏ cam kết và nêu rõ Ủy ban Châu Âu có thể áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời nếu có căn cứ cho phép suy đoán vi phạm cam kết hoặc nếu thấy cần thiết phải tiến hành điều tra bổ sung; rằng trong trường hợp các bên liên quan chấp nhận cam kết không phá giá, cần phải giám sát tránh để các cam kết và việc thực hiện cam kết trở thành hành vi hạn chế cạnh tranh;
- (16) Xét thấy rằng cần quy định rõ thời hạn điều tra thông thường là 12 tháng và tối đa không quá 15 tháng kể từ thời điểm mở điều tra, ngay cả khi chưa đưa ra được biện pháp chống bán phá giá chính thức; rằng công tác điều tra cũng như các thủ tục liên quan đến công tác điều tra sẽ chấm dứt ngay khi có kết quả chứng minh biên độ phá giá hoặc thiệt hại gây ra là không đáng kể; rằng trong trường hợp áp dụng biện pháp chống bán phá giá, cần phải quy định về thời điểm chấm dứt điều tra và nêu rõ thuế suất chống bán phá giá không được vượt quá biên độ phá giá nếu mức thuế suất đó

đủ để khắc phục thiệt hại gây ra và cần xác định rõ phương pháp tính thuế suất trong trường hợp áp dụng phương pháp giới hạn điều tra;

- (17) Xét thấy rằng cần phải quy định về biện pháp truy thu thuế chống bán phá giá tạm thời, nếu phù hợp, và xác định những trường hợp cụ thể cho phép áp dụng biện pháp này nhằm tăng cường hiệu lực áp dụng thực chất của các biện pháp chống phá giá chính thức; rằng cũng cần phải áp dụng hồi tố thuế chống bán phá giá trong trường hợp các bên liên quan vi phạm hoặc hủy bỏ cam kết không phá giá;
- (18) Xét thấy rằng cần phải quy định về thời hạn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, thông thường là 5 năm, trừ trường hợp sau khi tiến hành rà soát, có quyết định duy trì áp dụng các biện pháp này; rằng trong trường hợp tình hình được xem là có thay đổi cơ bản, cần có quy định cho phép tiến hành rà soát bổ sung hoặc điều tra bổ sung nhằm xác định tính đúng đắn của quyết định hoàn thuế chống bán phá giá; rằng trong trường hợp phải xác định lại giá xuất khẩu để tính lại biên độ phá giá, dẫn tới tăng giá bán hàng hóa là đối tượng của các biện pháp chống bán phá giá của Cộng đồng Châu Âu, cũng cần phải nêu rõ rằng thuế chống bán phá giá không phải là chi phí đánh vào hành vi nhập khẩu hoặc bán lại hàng hóa nhập khẩu trên thị trường;
- (19) Xét thấy rằng cần phải đưa ra những quy định đặc biệt cho phép xác định lại giá xuất khẩu và biên độ phá giá nếu theo một thỏa thuận đền bù, thuế chống bán phá giá lại do bên xuất khẩu chi trả và do đó, việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá của Cộng đồng Châu Âu không hề ảnh hưởng đến giá bán hàng hóa là đối tượng của các biện pháp này;
- (20) Xét thấy rằng cho dù các nước đã ký kết trong khuôn khổ của GATT một thỏa thuận cấp bộ trường thừa nhận tình trạng trốn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá là một vấn nạn và yêu cầu sự can thiệp của Ủy ban chống bán phá giá GATT, nhưng Hiệp định chống bán phá giá năm 1994 vẫn không đưa ra được các điều khoản nhằm giải quyết vấn đề này; rằng do thất bại liên tiếp của các cuộc đàm phán đa phương trong thời gian qua và trong khi chờ đợi giải pháp của Ủy ban chống bán phá giá GATT, Liên minh Châu Âu cần phải ban hành thêm những văn bản quy phạm pháp luật mới nhằm ngăn chặn và xử lý những hoạt động nhằm mục đích trốn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và đặc biệt là hành vi câu kết trong phạm vi Cộng đồng hoặc tại một nước thứ ba ngoài Cộng đồng;
- (21) Xét thấy rằng cần có quy định cho phép tạm đình chỉ áp dụng các biện pháp chống bán phá giá nếu việc duy trì các biện pháp này trở nên bất cập do có thay đổi tạm thời về điều kiện thị trường;
- (22) Xét thấy rằng cần phải quy định rằng hành vi nhập khẩu hàng hóa trong quá trình điều tra vẫn có thể bị lưu vào sổ theo dõi nhập khẩu và có thể phải chịu sự điều chỉnh của biện pháp chống nhập khẩu;
- (23) Xét thấy rằng nhằm đảm bảo áp dụng các biện pháp chống bán phá giá theo đúng quy định, các nước thành viên Liên minh Châu Âu cần tổ chức giám sát và nộp báo cáo lên Ủy ban Châu Âu về tình hình nhập khẩu hàng hóa là đối tượng điều tra hoặc là đối tượng của các biện pháp chống bán phá giá và về tổng thu thuế chống bán phá giá theo Quy chế này;

- (24) Xét thấy rằng cần thành lập một Ủy ban Tư vấn và quy định về thủ tục tham vấn bắt buộc đối với một số giai đoạn đặc biệt của quá trình điều tra; cơ cấu của Ủy ban Tư vấn bao gồm đại diện của từng nước thành viên và do đại diện của Ủy ban Châu Âu làm Chủ tịch;
- (25) Xét thấy rằng trong trường hợp xét thấy bằng trả lời câu hỏi của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu điều tra, cần có quy định cho phép cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra tại cơ sở của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu nhằm xác thực các thông tin về hành vi bán phá giá và mức độ thiệt hại đã khai báo;
- (26) Xét thấy rằng trong trường hợp số các bên liên quan hoặc số giao dịch liên quan quá lớn, cần giới hạn điều tra ở một nhóm các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành điều tra đúng thời hạn;
- (27) Xét thấy rằng trong trường hợp các bên không hợp tác với cơ quan điều tra, cần có quy định cho phép cơ quan điều tra căn cứ vào các nguồn thông tin khác để xác định các thông số cần thiết cho hoạt động điều tra đồng thời lưu ý rằng các thông tin này có thể bất lợi đối với các bên hơn là các thông tin mà đáng lẽ các bên phải cung cấp nếu hợp tác với cơ quan điều tra;
- (28) Xét thấy rằng cần phải có điều khoản quy định về cách thức xử lý các thông tin có tính chất bí mật nhằm đề phòng trường hợp tiết lộ các bí mật kinh doanh;
- (29) Xét thấy rằng các bên quyền lợi liên quan đến việc xử lý các thông tin có tính chất bí mật phải có quyền được thông báo chính xác diễn biến sự việc và các quyết định quan trọng của cơ quan điều tra và rằng việc thông báo phải tiến hành trong một thời hạn hợp lý trên cơ sở tính đến quá trình ra quyết định trong Cộng đồng Châu Âu, để các bên có thể bảo vệ được lợi ích của mình;
- (30) Xét thấy rằng cần phải thiết lập một cơ chế hành chính cho phép các bên liên quan trình bày quan điểm về tính phù hợp giữa các biện pháp chống bán phá giá với lợi ích của Cộng đồng Châu Âu và đặc biệt là quyền lợi của người tiêu dùng, đồng thời phải xác định thời hạn hoàn thành nghĩa vụ cung cấp thông tin và quy định cụ thể quyền của các bên trong việc tiếp cận thông tin;
- (31) Xét thấy rằng với Quy chế số 3283/94 (CE) ngày 22 tháng 12 năm 1994 về cơ chế chống nhập khẩu hàng hóa bán phá giá từ các nước ngoài Cộng đồng Châu Âu <sup>(1)</sup>, Hội đồng Liên minh Châu Âu đã bãi bỏ Quy chế số 2423/88 (CEE) và thiết lập một cơ chế chống nhập khẩu hàng hóa bán phá giá từ các nước ngoài Cộng đồng Châu Âu;
- (32) Xét thấy rằng sau khi ban hành Quy chế số 3283/94 (CE), đã phát hiện được nhiều sai sót nghiêm trọng trong văn bản này;
- (33) Hơn nữa, Quy chế 3283/94 (CE) đã được sửa đổi, bổ sung hai lần;
- (34) Do vậy, nhằm đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất cũng như an toàn pháp lý, cần phải bãi bỏ và thay thế Quy chế 3283/94 (CE) trên cơ sở không trái với các thủ tục chống bán phá giá xây dựng trên nền tảng của Quy chế 3283/94 (CE) hoặc của Quy chế số 2423/88 (CEE).

---

<sup>(1)</sup> Công báo số L 349 ngày 31/12/1994, tr. 1. Quy chế này được sửa đổi lần gần đây nhất bởi Quy chế số 1251/95 (CE) (Công báo số L 122 ngày 2/6/1995, tr. 1).

## QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY CHẾ DƯỚI ĐÂY:

*Điều 1***Nguyên tắc chung**

1. Mọi hàng hóa bán phá giá gây thiệt hại trong quá trình lưu thông trên thị trường Cộng đồng Châu Âu sẽ do pháp luật chống bán phá giá của Cộng đồng Châu Âu điều chỉnh.
2. Một hàng hóa bị coi là bán phá giá khi giá xuất khẩu hàng hóa đó sang Cộng đồng Châu Âu thấp hơn giá có thể so sánh được trong điều kiện thương mại thông thường của một hàng hóa tương tự ở nước xuất khẩu.
3. Thông thường, nước xuất khẩu là nước xuất xứ của hàng hóa. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nước xuất khẩu có thể là nước trung gian, trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh hoặc không được sản xuất tại nước này hoặc nước này không có giá có thể so sánh được đối với các hàng hóa có liên quan.
4. Trong Quy chế này, "hàng hóa tương tự" là hàng hóa giống hệt nhau, tức là hàng hóa có tất cả các đặc tính giống với hàng hóa đang được xem xét hoặc trong trường hợp không có hàng hóa nào như vậy thì là hàng hóa khác mặc dù không giống ở mọi đặc tính nhưng có nhiều đặc tính cơ bản giống với hàng hóa được xem xét.

*Điều 2***Xác định hành vi bán phá giá****A. GIÁ TRỊ THÔNG THƯỜNG**

1. Giá trị thông thường thường được xác định theo mức giá mà những người mua độc lập ở nước xuất khẩu đã trả hoặc sẽ phải trả trong điều kiện thương mại thông thường.

Trong trường hợp nhà xuất khẩu không sản xuất hoặc bán hàng hóa tương tự trên thị trường nội địa thì giá trị thông thường được tính theo giá bán trong nước của các nhà sản xuất hoặc người bán khác.

Trong trường hợp các bên liên kết hoặc ký kết một thỏa thuận đền bù thì giá áp dụng giữa các bên chỉ được coi là giá áp dụng trong điều kiện thương mại thông thường và được sử dụng để tính giá trị thông thường nếu xác định được giá áp dụng giữa các bên không bị chi phối bởi mối quan hệ liên kết hay thỏa thuận đền bù nói trên.

**▼ M4**

Để xác định về mối quan hệ liên kết giữa các bên, cần lưu ý định nghĩa về "các bên có quan hệ" quy định tại Điều 143 Nghị định số 2454/93 (CEE) ngày 2 tháng 7 năm 1993 của Ủy ban Châu Âu nhằm hướng dẫn thi hành Quy chế số 2913/92 (CEE) của Hội đồng Liên minh Châu Âu về việc xây dựng Bộ luật hải quan của Cộng đồng Châu Âu <sup>(1)</sup>.

**▼ B**

2. Hành vi bán hàng hóa tương tự để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa của nước xuất khẩu thường được sử dụng để tính giá trị thông thường nếu khối lượng hàng hóa tương tự

<sup>(1)</sup>Công báo số L 253 ngày 11/10/1993, tr. 1. Quy chế này được sửa đổi lần gần đây nhất bởi Nghị định số 444/2002 (CE) của Ủy ban Châu Âu (Công báo số L 68 ngày 12/3/2002, tr. 11).

bán ra trên thị trường nội địa bằng hoặc lớn hơn 5% khối lượng hàng hóa được xem xét bán ra trên thị trường Cộng đồng.

Tuy nhiên, trong trường hợp tỷ lệ nêu trên nhỏ hơn 5%, hành vi bán hàng hóa tương tự vẫn có thể là căn cứ để tính giá trị thông thường nếu giá áp dụng được đánh giá là giá phổ thông tại thị trường liên quan.

3. Nếu trong điều kiện thương mại thông thường không diễn ra bất kỳ hành vi bán hàng hóa tương tự nào hoặc khối lượng hàng hóa tương tự bán ra không đáng kể hoặc nếu vì điều kiện thị trường đặc biệt mà không thể so sánh trên cơ sở căn cứ vào hành vi bán hàng hóa tương tự thì giá trị thông thường của hàng hóa tương tự có thể được tính theo hai cách sau: 1) Giá trị thông thường bằng tổng chi phí sản xuất tại nước xuất xứ, chi phí bán hàng hợp lý, chi phí hành chính, chi phí quản lý chung và lợi nhuận hợp lý; hoặc 2) Giá trị thông thường bằng giá xuất khẩu hàng hóa tương tự sang nước thứ ba phù hợp trong điều kiện thương mại thông thường nếu giá xuất khẩu là giá xuất khẩu phổ thông. ► **M4** Có thể coi điều kiện nêu ra trong công thức thứ hai là một điều kiện thị trường đặc biệt đối với hàng hóa có liên quan, nhất là khi giá xuất khẩu thấp giả tạo hoặc khối lượng trao đổi mậu dịch lớn hoặc tồn tại **cơ chế chuyển đổi phi thương mại**. ◀

4. Hành vi bán hàng hóa tương tự trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu hoặc hành vi xuất khẩu hàng hóa tương tự sang nước thứ ba với giá xuất khẩu thấp hơn tổng chi phí sản xuất cho một đơn vị hàng hóa (bao gồm cả chi phí cố định và chi phí biến đổi), chi phí bán hàng, chi phí hành chính và các chi phí quản lý chung khác vẫn được coi là thực hiện trong điều kiện thương mại thông thường vì yếu tố giá và chỉ không được dùng để tính giá trị thông thường khi có căn cứ xác định hàng hóa đã được bán với khối lượng lớn, trong một thời gian dài, với mức giá dưới mức đủ để thu hồi các chi phí nêu trên trong một thời hạn hợp lý.

Nếu giá bán đưa ra thấp hơn chi phí tại thời điểm bán nhưng cao hơn bình quân gia quyền của chi phí tại thời điểm tiến hành điều tra, thì giá bán đó được coi là giá có thể đảm bảo thu hồi các chi phí nêu trên trong thời hạn hợp lý.

Thuật ngữ "thời gian dài" thông thường là khoảng một năm, hoặc ít nhất là sáu tháng. Hành vi bán hàng với giá thấp hơn giá thành của một đơn vị hàng hóa sẽ bị coi là bán với khối lượng lớn trong một thời gian dài nếu bình quân gia quyền giá bán thấp hơn bình quân gia quyền giá thành đối với một đơn vị hàng hóa hoặc nếu khối lượng hàng hóa bán ra với giá thấp hơn giá thành của một đơn vị hàng hóa bằng hoặc lớn hơn 20% khối lượng hàng hóa bán ra dùng để tính giá trị thông thường.

5. Thông thường, chi phí được tính theo số liệu kế toán của bên là đối tượng điều tra nếu việc lập số liệu kế toán của bên đó phù hợp với nguyên tắc kế toán chung được nước có liên quan công nhận và có tính đến các chi phí sản xuất và chi phí bán hàng hóa liên quan một cách hợp lý. ► **M4** Trong trường hợp sổ sách kế toán của bên là đối tượng điều tra không đưa ra số liệu hợp lý về chi phí sản xuất và chi phí bán hàng hóa liên quan hoặc trong trường hợp không thể có thông tin hoặc không thể dùng được các thông tin đã có, cơ quan điều tra sẽ căn cứ vào số liệu về chi phí do các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu khác của nước đó cung cấp hoặc dựa trên các căn cứ hợp lý khác, bao gồm cả các thông tin thu thập được trên những thị trường tiêu biểu, để điều chỉnh hoặc xác định lại các chi phí do bên là đối tượng điều tra đã nêu. ◀



Ngoài ra, cũng cần tính đến các bằng chứng liên quan đến phương pháp tính chi phí do các bên cung cấp, nếu các bằng chứng chỉ ra rằng các bên đã áp dụng phương pháp tính chi phí này một cách thường xuyên, trong một thời gian dài trong quá khứ. Trong trường hợp không lựa chọn được phương pháp thích hợp hơn, cơ quan điều tra sẽ tính chi phí trên cơ sở căn cứ vào doanh thu. Các chi phí được điều chỉnh một cách thích hợp theo các yếu tố không biến đổi của chi phí, có lợi đối với hoạt động sản xuất trong tương lai và/hoặc trong hiện tại trừ trường hợp các yếu tố này đã được tính đến khi áp dụng phương pháp tính chi phí nêu tại đoạn trước.

Nếu trong khoảng thời gian cần thiết để thu hồi chi phí, chi phí tăng lên do phải đầu tư đáng kể vào việc lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mới và do chưa thể phát huy hết công suất vì phải tiến hành những hoạt động khởi nghiệp của doanh nghiệp trong một giai đoạn hoặc trong suốt quá trình điều tra, thì theo các quy định nêu trên về phương pháp tính chi phí, khi doanh nghiệp kết thúc giai đoạn khởi nghiệp, chi phí khởi nghiệp được tính theo chi phí trung bình giai đoạn này và chi phí trong giai đoạn cần điều tra bằng chi phí trung bình khởi nghiệp cộng với bình quân gia quyền chi phí theo quy định tại đoạn 2 khoản 4. Thời kỳ khởi nghiệp có thể dài hay ngắn tùy vào tình hình thực tế của từng nhà sản xuất hoặc xuất khẩu liên quan, nhưng không được kéo dài hơn thời gian tối thiểu đủ để thu hồi chi phí. Chi phí áp dụng trong quá trình điều tra cũng được điều chỉnh trên cơ sở căn cứ vào các thông tin liên quan đến thời kỳ khởi nghiệp vượt quá thời gian quy định, thu thập được trước quá trình kiểm tra tại cơ sở và trong vòng 3 tháng kể từ thời điểm mở điều tra.

6. Việc tính chi phí bán hàng, chi phí hành chính, các chi phí quản lý chung khác và lợi nhuận đều căn cứ theo các số liệu thực tế về tình hình sản xuất và bán hàng hóa tương tự của một nhà sản xuất hoặc xuất khẩu là đối tượng điều tra, trong điều kiện thương mại thông thường. Trong trường hợp không thể căn cứ theo số liệu của nhà sản xuất hoặc xuất khẩu, lợi nhuận và các chi phí nêu trên có thể được tính theo:

- a) bình quân gia quyền tổng chi phí thực tế của các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu khác là đối tượng điều tra, đối với hoạt động sản xuất và bán hàng hóa tương tự trên thị trường nội địa của nước xuất xứ;
- b) tổng chi phí thực tế của một nhà sản xuất hoặc xuất khẩu là đối tượng điều tra đối với hoạt động sản xuất hoặc bán hàng hóa cùng chủng loại, trên thị trường nội địa của nước xuất xứ, trong điều kiện thương mại thông thường;
- c) các căn cứ hợp lý khác với điều kiện tổng lợi nhuận kê khai không vượt quá mức lợi nhuận thông thường của các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu khác, thu được từ hoạt động bán hàng hóa cùng chủng loại trên thị trường nội địa của nước xuất xứ.

## ▼ **M2**

7. a) Trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa từ các nước có nền kinh tế phi thị trường ► **M3**<sup>(1)</sup> ◀, giá trị thông thường có thể được tính theo giá cấu thành hoặc giá trị cấu thành tại nước thứ ba có nền kinh tế thị trường hoặc giá áp dụng của nước thứ ba có nền kinh tế thị trường đối với một nước khác, bao gồm cả các nước thành viên của Cộng đồng. Trong trường hợp không có hai căn cứ nêu trên thì giá trị thông thường được

<sup>(1)</sup> Albani, Armenia, Azerbaidjan, Belarus, Grudia, Bắc Triều Tiên, Kirghizstan, Moldova, Mông Cổ, Tadjikistan, Turkmenistan và Uzbekistan.

tính theo các căn cứ hợp lý khác, kể cả giá đã qua điều chỉnh (nếu cần thiết), thực tế đã trả hoặc sẽ phải trả để mua hàng hóa tương tự, trên thị trường Cộng đồng Châu Âu, cộng với biên độ lợi nhuận hợp lý.

Việc xét chọn nước thứ ba có nền kinh tế thị trường phù hợp được tiến hành bình thường trên cơ sở căn cứ vào các thông tin có độ tin cậy cao và sẵn có vào thời điểm xét chọn. Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến các thời hạn quy định. Nếu hết thời hạn quy định, cơ quan điều tra vẫn chưa hoàn thành công tác xét chọn thì nước thứ ba khác có nền kinh tế thị trường cũng là đối tượng điều tra sẽ được chọn lựa.

Sau khi mở điều tra, các bên có liên quan nhanh chóng được thông báo về bên có liên quan của nước thứ ba có nền kinh tế thị trường và có quyền trình bày quan điểm của mình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày mở điều tra.

### ▼ **M3**

- b) Trong trường hợp điều tra chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu từ các nước như ► **M4** ----- ◀ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ukraina, Việt Nam, Kazakhstan và các nước có nền kinh tế phi thị trường nhưng là thành viên của WTO vào thời điểm mở điều tra, giá trị thông thường được tính theo quy định tại các khoản từ 1 đến 6 nếu căn cứ vào đề nghị điều tra chống bán phá giá kèm theo đầy đủ tài liệu liên quan của một hoặc một nhóm nhà sản xuất là đối tượng điều tra và trên cơ sở đối chiếu với các tiêu chí và thủ tục nêu tại điểm c), cơ quan điều tra có thể kết luận rằng nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất này tiến hành hoạt động sản xuất và bán hàng hóa tương tự liên quan trong điều kiện tương đương với điều kiện của nền kinh tế thị trường. Nếu không thể đưa ra kết luận nêu trên, giá trị thông thường sẽ được tính theo quy định tại điểm a).

### ▼ **M2**

- c) Đề nghị điều tra chống bán phá giá nêu tại điểm b) phải được trình bày bằng văn bản và phải nêu căn cứ chứng minh nhà sản xuất tiến hành hoạt động của mình trong các điều kiện của nền kinh tế thị trường, cụ thể là:
- các quyết định liên quan đến giá bán và chi phí đầu vào, như chi phí nguyên vật liệu, công nghệ, nhân công, sản xuất, bán hàng, đầu tư, được doanh nghiệp đưa ra trên cơ sở tính đến những tín hiệu phản ánh cung-cầu của thị trường và không chịu sự can thiệp đáng kể của Nhà nước; chi phí đầu vào chính phản ánh phần lớn các giá trị trên thị trường,
  - các doanh nghiệp lập và sử dụng một hệ thống sổ sách kế toán duy nhất, sổ kế toán doanh nghiệp được kiểm toán độc lập phù hợp với những quy định kiểm toán quốc tế và được sử dụng trong mọi trường hợp,
  - chi phí sản xuất và tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị những hệ quả của nền kinh tế kế hoạch hóa cũ làm mất cân đối nghiêm trọng, đặc biệt là đối với các nội dung liên quan đến khấu hao tài sản cố, **cân đối kế toán** khác, trao đổi mậu dịch hoặc thanh toán dưới hình thức bù nợ,

- các doanh nghiệp liên quan là đối tượng điều chỉnh của pháp luật phá sản doanh nghiệp và pháp luật về sở hữu nhằm đảm bảo tiến hành hoạt động doanh nghiệp trong các điều kiện ổn định và an toàn về mặt pháp lý,

và

- các hoạt động ngoại hối được thực hiện theo tỷ giá hối đoái trên thị trường.

Vấn đề còn lại là quyết định xem trong trường hợp nhà sản xuất đáp ứng được các tiêu chí nêu trên và sau khi tham vấn ý kiến của Hội đồng Tư vấn cũng như có được quan điểm của ngành sản xuất Cộng đồng, liệu có thể giải quyết đề nghị điều tra chống bán phá giá trong vòng 3 tháng kể từ ► **C2** thời điểm mở điều tra ◀ hay không. **Giải pháp áp dụng vẫn có hiệu lực trong suốt quá trình điều tra.**

## ▼ B

### B. GIÁ XUẤT KHẨU

8. Giá xuất khẩu là giá thực tế đã trả hoặc sẽ phải trả để mua hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Cộng đồng Châu Âu.

9. Trong trường hợp không có giá xuất khẩu hoặc giá xuất khẩu không tin cậy được do có liên kết hoặc thỏa thuận đền bù giữa nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu hoặc với bên thứ ba, giá xuất khẩu được tính theo giá bán hàng hóa nhập khẩu cho người mua độc lập đầu tiên hoặc tính theo các căn cứ hợp lý khác nếu hàng hóa nhập khẩu không được bán cho một người mua độc lập hoặc nếu tình trạng hàng hóa được bán sau khi nhập khẩu không còn giống với tình trạng ban đầu của hàng hóa trước khi nhập khẩu.

Trong trường hợp đó, phải tiến hành điều chỉnh để có thể tính đến mọi chi phí, bao gồm cả thuế hải quan và các loại thuế khác đối với hành vi nhập khẩu và bán hàng hóa nhập khẩu, cũng như biên độ lợi nhuận nhằm xây dựng giá xuất khẩu có độ tin cậy cao trên phạm vi toàn Cộng đồng.

Các chi phí dẫn đến một số điều chỉnh bao gồm: 1/ chi phí do nhà nhập khẩu chi trả. Việc chi trả này chỉ là về hình thức vì thực chất, chi phí này sau đó lại được chia đều cho các bên có hoạt động trong hoặc ngoài phạm vi Cộng đồng Châu Âu, có thể có liên kết hoặc thỏa thuận đền bù với nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu; 2/ và đặc biệt là các chi phí về: vận tải thông thường, bảo hiểm, bốc xếp hàng hóa và các chi phí phụ; thuế hải quan, thuế chống bán phá giá và các thuế khác phải trả tại nước nhập khẩu đối với hành vi nhập khẩu và bán hàng hóa nhập khẩu; và cuối cùng là biên độ hợp lý đối với chi phí bán hàng, chi phí hành chính, các chi phí quản lý chung khác và lợi nhuận.

### C. SO SÁNH GIÁ TRỊ THÔNG THƯỜNG VÀ GIÁ XUẤT KHẨU

10. Giá xuất khẩu và giá trị thông thường cần phải được so sánh một cách công bằng. Để có được kết quả so sánh công bằng, việc so sánh hai giá phải được thực hiện trong cùng một cấp độ thương mại, tại cùng một thời điểm bán hoặc tại các thời điểm gần nhau nhất có thể, trên cơ sở tính đến các chênh lệch khác có thể làm ảnh hưởng đến khả năng so sánh giá. Trong trường hợp không thể so sánh được giá thông thường và giá xuất khẩu theo các điều kiện nêu trên, hai giá này sẽ được so sánh trên cơ sở điều chỉnh các yếu tố có thể hoặc bị coi là có thể ảnh hưởng đến giá, và hệ quả là đến khả năng so sánh giá. Khi điều chỉnh, cần tránh các điều chỉnh trùng lặp, đặc biệt là đối với những điều chỉnh liên quan đến các

cấp độ thương mại hóa hàng hóa, khối lượng hàng hóa hoặc hành vi bán hạ giá hàng hóa hay giảm giá hàng hóa khi mua khối lượng lớn. Nếu hội đủ các điều kiện đặc biệt nêu trên, các yếu tố dẫn đến một số điều chỉnh bao gồm:

a) *Đặc tính vật lý của hàng hóa*

Khi điều chỉnh chênh lệch trong đặc tính vật lý của hàng hóa liên quan, tổng mức điều chỉnh bằng phần giá trị chênh lệch so với thị trường ước tính một cách hợp lý.

b) *Thuế nhập khẩu hàng hóa và các thuế gián thu*

Trong trường hợp hàng hóa được sản xuất nhằm mục đích tiêu dùng tại nước xuất khẩu và không bị đánh thuế hoặc đã được hoàn thuế khi hàng hóa được xuất sang Cộng đồng Châu Âu, giá trị thông thường được điều chỉnh với mức điều chỉnh bằng tổng thuế nhập khẩu và thuế gián thu đối với hàng hóa tương tự và các vật liệu đặc định về mặt vật lý với hàng hóa đó.

c) *Khối lượng hàng hóa và các hành vi hạ giá hay chiết giá hàng hóa*

Điều chỉnh chênh lệch liên quan đến khối lượng hàng hóa, hành vi hạ giá hoặc chiết giá hàng hóa, được tiến hành nếu xác định được chính xác rằng khối lượng hàng hóa, hành vi hạ giá hoặc chiết giá hàng hóa có liên quan trực tiếp đến việc bán hàng hóa đang được xem xét. Ngoài ra, cũng có thể tiến hành điều chỉnh đối với phương thức hạ giá hay chiết giá hàng hóa có điều kiện nếu đó là một tập quán thường xuyên được áp dụng trong giai đoạn trước, bao gồm cả việc cam kết tuân thủ các điều kiện đặt ra để được hưởng hạ giá hoặc chiết giá hàng hóa.

▼ **M1**

d) *Cấp độ thương mại*

- i) Điều chỉnh chênh lệch trong các cấp độ thương mại, kể cả các chênh lệch do hành vi mua bán thiết bị tận gốc gây ra, được tiến hành nếu trong quá trình phân phối hàng hóa cho hai thị trường, có căn cứ xác định rằng giá xuất khẩu, bao gồm cả giá xuất khẩu cấu thành, được áp dụng ở một cấp độ thương mại khác với cấp độ thương mại của giá trị thông thường và do đó làm ảnh hưởng đến khả năng so sánh giá, thể hiện qua những chênh lệch đáng kể trong một thời gian dài về chức năng cũng như giá bán hàng hóa tương ứng với từng cấp độ thương mại trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu. Khi đó, tổng mức điều chỉnh sẽ được tính theo phần giá trị chênh lệch so với thị trường.
- ii) Tuy nhiên, trong trường hợp không thỏa mãn các điều kiện nêu tại điểm i), vẫn có thể tiến hành điều chỉnh đặc biệt nếu không thể xác định được mức chênh lệch trong cấp độ thương mại hiện thời do không có các cấp độ thương mại phù hợp trên thị trường nội địa nước xuất khẩu hoặc nếu xác định được chắc chắn rằng một số chức năng hoàn toàn tương thích với các cấp độ thương mại khác, ngoài cấp độ đang được dùng để so sánh.

▼ **B**

e) *Vận tải, bảo hiểm, bốc xếp hàng hóa và các chi phí phụ*

Điều chỉnh chênh lệch trong chi phí liên quan trực tiếp đến hàng hóa và quá trình vận chuyển hàng hóa từ xưởng của nhà xuất khẩu cho đến tay người mua độc lập đầu tiên, được tiến hành nếu các chi phí này được tính vào giá áp dụng. Các chi phí này bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bốc xếp hàng hóa và các chi phí phụ.

f) *Bao bì, đóng gói hàng hóa*

Điều chỉnh chênh lệch trong chi phí bao bì, đóng gói hàng hóa được tiến hành khi các chi phí này liên quan trực tiếp đến hàng hóa đang được xem xét.

g) *Tín dụng*

Điều chỉnh chênh lệch trong khoản vay tín dụng nhằm mua bán hàng hóa đang được xem xét được tiến hành nếu yếu tố này được tính đến trong quá trình xác định giá áp dụng.

h) *Chi phí sau khi mua bán hàng hóa*

Điều chỉnh được tiến hành nhằm xử lý chênh lệch trong chi phí liên quan trực tiếp đến hành vi bảo lãnh, bảo đảm, trợ giúp về mặt kỹ thuật và cung cấp dịch vụ do pháp luật và/hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa quy định.

i) *Tiền hoa hồng*

Điều chỉnh được tiến hành nhằm xử lý chênh lệch trong các khoản tiền hoa hồng đã chi nhằm mua bán hàng hóa đang được xem xét. ► **M4** Thuật ngữ "tiền hoa hồng" cũng bao gồm cả phần biên độ mà nhà hoạt động kinh doanh hàng hóa nói chung hoặc hàng hóa tương tự nói riêng thu được nếu chức năng của nhà hoạt động kinh doanh này giống với chức năng của bên trung gian hưởng hoa hồng ◀

j) *Quy đổi tiền*

Trong trường hợp cần phải quy đổi tiền để so sánh giá, việc quy đổi phải được tiến hành theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm mua bán hàng hóa, với điều kiện nếu việc mua bán ngoại hối trên thị trường có kỳ hạn có liên quan trực tiếp việc xuất khẩu hàng hóa đang được xem xét thì áp dụng tỷ giá hối đoái đối với việc mua bán có kỳ hạn. Thông thường, ngày mua bán hàng hóa phải là ngày ghi trên hóa đơn thanh toán; tuy nhiên, cũng có thể căn cứ vào các thông tin khác như ngày ký kết hợp đồng, ngày đặt hàng hay ngày khẳng định yêu cầu đặt hàng nếu các thông tin này thích hợp hơn trong việc xác định các điều kiện đảm bảo thực hiện việc mua, bán hàng hóa trên thực tế. Các biến động về tỷ giá hối đoái không được tính đến và các nhà xuất khẩu có 60 ngày để phân tích và lựa chọn tỷ giá hối đoái ổn định trong giai đoạn điều tra.

▼ **M1**

k) *Các yếu tố khác*

Cuối cùng, cũng có thể tiến hành điều chỉnh chênh lệch liên quan đến các yếu tố khác ngoài các yếu tố quy định tại các điểm từ a) đến j) nếu có căn cứ xác định rằng các chênh lệch đó có ảnh hưởng đến khả năng so sánh giá, theo quy định tại khoản này, và đặc biệt là gây nên tình trạng hỗn độn giá mua trên thị trường nội địa.

▼ **B**

D. BIẾN ĐỘNG PHÁ GIÁ

11. Trừ các quy định về so sánh công bằng, thông thường, biên độ phá giá trong quá trình điều tra được tính trên cơ sở so sánh bình quân gia quyền giá trị thông thường với bình quân gia quyền giá xuất khẩu sang thị trường Cộng đồng Châu Âu hoặc trên cơ sở so sánh các giá trị thông thường từng giao dịch với giá xuất khẩu từng giao dịch sang thị trường Cộng đồng Châu Âu. Tuy nhiên, cũng có thể tính biên độ phá giá trên cơ sở so sánh bình quân gia quyền giá trị thông thường với giá xuất khẩu từng giao dịch nếu giá xuất khẩu chênh lệch đáng kể giữa những người mua, các vùng hoặc các thời điểm khác nhau và nếu kết quả tính theo hai phương pháp nêu tại câu đầu tiên của khoản này không phản ánh được phạm vi bán phá giá thực tế áp dụng. Quy định tại khoản này không loại trừ khả năng áp dụng biện pháp giới hạn điều tra theo quy định tại Điều 17.

12. Biên độ bán phá giá là hiệu số giữa giá trị thông thường và giá xuất khẩu. Trong trường hợp biên độ phá giá dao động nhiều, có thể tính bình quân gia quyền biên độ phá giá để áp dụng.

### *Điều 3*

#### **Xác định thiệt hại**

1. Trong Quy chế này, thuật ngữ "thiệt hại" là thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất Cộng đồng, nguy cơ thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất Cộng đồng hoặc sự trì trệ đối với sự phát triển một ngành sản xuất Cộng đồng, trừ trường hợp có quy định khác; thuật ngữ "thiệt hại" được giải thích phù hợp với các quy định tại Điều này.

2. Thiệt hại được xác định thông qua quá trình điều tra khách quan, trên cơ sở căn cứ vào các bằng chứng xác thực: a) khối lượng hàng nhập khẩu bán phá giá và tác động của hàng nhập khẩu đó lên giá hàng hóa tương tự trên thị trường Cộng đồng và b) tác động của hàng nhập khẩu đó đối với ngành sản xuất Cộng đồng.

3. Về khối lượng hàng nhập khẩu bán phá giá, cần xác định xem khối lượng này có tăng đáng kể về giá trị tuyệt đối hoặc tăng đáng kể về mặt tương đối so với mức sản xuất hoặc tiêu thụ của Cộng đồng hay không. Về tác động của hàng nhập khẩu bán phá giá đối với giá hàng hóa tương tự, cần xác định xem giá hàng nhập khẩu có thấp hơn đáng kể giá hàng hóa tương tự sản xuất tại Cộng đồng hoặc có làm sụt giá hoặc kìm giá hàng hóa tương tự một cách đáng kể hay không. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, không thể chỉ căn cứ vào một hoặc một số các yếu tố nêu trên để xác định chính xác thiệt hại.

4. Trong trường hợp hàng hóa là đối tượng điều tra được nhập khẩu từ nhiều nước khác nhau, có thể tiến hành đánh giá tác động gộp của việc nhập khẩu các hàng hóa đó nếu: a) hàng hóa được nhập khẩu từ mỗi nước với khối lượng lớn và có biên độ phá giá đối với mỗi nước lớn hơn biên độ phá giá không đáng kể nêu tại khoản 3 Điều 9; và b) việc đánh giá tác động gộp của hàng hóa nhập khẩu thích hợp trong việc xem xét các điều kiện cạnh tranh giữa các hàng hóa nhập khẩu với nhau và giữa hàng hóa nhập khẩu với hàng hóa tương tự sản xuất tại Cộng đồng.

5. Việc khảo sát tác động của hàng nhập khẩu bán phá giá đối với một ngành sản xuất Cộng đồng liên quan phải xem xét tất cả các yếu tố và chỉ số kinh tế có thể ảnh hưởng đến ngành sản xuất này, bao gồm: thực tế chỉ ra rằng ngành sản xuất hiện chưa thể phục hồi sau tác động của hành vi nhập khẩu hàng hóa bán phá giá hoặc trợ giá; biên độ phá giá thực tế; suy giảm thực tế hoặc nguy cơ suy giảm doanh số bán hàng, lợi nhuận, sản xuất, thị

phần, sản lượng, khả năng thu hồi vốn đầu tư hoặc khả năng phát huy công suất; các yếu tố thực sự tác động tiêu cực hoặc có nguy cơ tác động tiêu cực đến luồng vốn, số lượng hàng tồn kho, việc làm, lương, tốc độ tăng trưởng và khả năng huy động vốn hoặc đầu tư. Danh sách các yếu tố nêu trên chưa phải là danh sách đầy đủ và trong một số trường hợp, không thể chỉ căn cứ vào một hoặc một số các yếu tố nêu trên để xác định thiệt hại.

6. Trên cơ sở các bằng chứng nêu tại khoản 2, cần chứng minh hành vi nhập khẩu hàng hóa bán phá giá đã gây thiệt hại theo cách giải thích của Quy chế này. Cụ thể là phải chứng minh số lượng và/hoặc mức giá nêu tại khoản 3 đã làm ảnh hưởng đến ngành sản xuất Cộng đồng, dẫn đến các hệ quả nêu tại khoản 5 và mức độ ảnh hưởng có thể được đánh giá là nghiêm trọng.

7. Trong trường hợp vào cùng thời điểm diễn ra hành vi nhập khẩu hàng hóa bán phá giá còn có các yếu tố khác cũng gây thiệt hại đến ngành sản xuất Cộng đồng thì cần phân tích và đánh giá chính xác, tránh quy hết mọi thiệt hại đối với ngành sản xuất Cộng đồng về trách nhiệm của hành vi nhập khẩu hàng hóa bán phá giá theo quy định tại khoản 6. "Các yếu tố khác" nêu trên có thể là khối lượng và giá hàng nhập khẩu không bị bán phá giá; cầu tiêu dùng cộng gộp hoặc thay đổi về thị hiếu tiêu dùng; hoạt động thương mại có tính chất hạn chế của các nhà sản xuất của nước thứ ba hoặc của Cộng đồng và hành vi cạnh tranh giữa các nhà sản xuất này; tiến bộ khoa học; diễn biến xuất khẩu và năng suất của ngành sản xuất Cộng đồng.

8. Nếu các dữ liệu hiện có cho phép phân chia ngành sản xuất hàng hóa tương tự của Cộng đồng thành nhiều công đoạn khác nhau như công đoạn sản xuất hàng hóa, bán hàng hóa và thu lợi nhuận thì có thể xác định mức độ ảnh hưởng của hành vi nhập khẩu hàng hóa bán phá giá trên cơ sở so sánh với ngành sản xuất hàng hóa tương tự của Cộng đồng. Trong trường hợp không thể phân chia như vậy, có thể xác định mức độ ảnh hưởng của hành vi nhập khẩu trên cơ sở kiểm tra tình hình sản xuất của nhóm hàng hoặc gam gần gũi với sản phẩm cần xem xét nhất và cho phép thu được nhiều dữ liệu cần thiết nhất, bao gồm cả hàng hóa tương tự.

9. Ngoài các thông tin suy đoán hay viện dẫn, việc xác định nguy cơ gây thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất Cộng đồng còn phải căn cứ vào hành vi thực tế. Mọi thay đổi của tình hình có thể dẫn đến hành vi bán phá giá gây thiệt hại đều phải được dự kiến và **phải có khả năng xảy ra tức thì**.

Để có thể xác định nguy cơ gây thiệt hại đáng kể, ngoài các yếu tố khác, cần phải xem xét các yếu tố sau:

- a) Tỷ lệ gia tăng hàng nhập khẩu bán phá giá trên thị trường Cộng đồng. Trong trường hợp có sự gia tăng mạnh mẽ về tốc độ nhập khẩu, có khả năng sẽ có gia tăng về khối lượng hàng nhập khẩu;
- b) Mức gia tăng thực tế hoặc nguy cơ gia tăng khả năng cung ứng đầy đủ và tức thì hàng hóa xuất khẩu. Nếu khả năng cung ứng hàng xuất khẩu của nhà xuất khẩu gia tăng, rất có thể sẽ kéo theo sự gia tăng thực tế về khối lượng hàng xuất khẩu bán phá giá sang thị trường Cộng đồng Châu Âu, vì việc mở rộng thị trường có quan hệ mật thiết với sự gia tăng khối lượng xuất khẩu;

- c) Hành vi nhập khẩu hàng hóa với giá có thể làm sụt giá nghiêm trọng hoặc kim giá hàng hóa tương tự vì hành vi này có thể sẽ làm gia tăng cầu nhập khẩu.

và

- d) Mức dự trữ hàng hóa là đối tượng điều tra.

Để đánh giá nguy cơ gây thiệt hại của hành vi nhập khẩu hàng hóa bán phá giá đối với ngành sản xuất Cộng đồng, không thể chỉ căn cứ vào một trong các yếu tố nêu trên mà cần phải dựa trên tổng hợp các yếu tố để xác định về khả năng xuất khẩu hàng hóa bán phá giá trong tương lai gần cũng như mức độ thiệt hại có thể xảy ra nếu không áp dụng các biện pháp kịp thời.

**Mis en forme :** Retrait :  
Gauche : 0 cm, Numéros +  
Niveau : 1 + Style de  
numérotation : a, b, c, ... +  
Commencer à : 4 + Alignement  
: Gauche + Alignement : 0,5  
cm + Tabulation après : 1 cm  
+ Retrait : 1 cm,  
Tabulations : Pas à 1 cm

#### Điều 4

#### Ngành sản xuất Cộng đồng

1. Trong Quy chế này, "ngành sản xuất Cộng đồng" gồm toàn bộ các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc nhóm các nhà sản xuất có sản lượng chiếm đa số tổng sản lượng hàng hóa tương tự theo quy định tại khoản 4 Điều 5. Tuy nhiên:

- a) Nếu nhà sản xuất có quan hệ với nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu hoặc nếu nhà sản xuất đồng thời cũng là nhà nhập khẩu hàng hóa bị nghi là bán phá giá, thì "ngành sản xuất Cộng đồng" là các nhà sản xuất còn lại;
- b) Trong một số trường hợp đặc biệt theo đó phần lãnh thổ Cộng đồng tham gia sản xuất hàng hóa là đối tượng điều tra bị chia thành hai hay nhiều thị trường riêng có tính cạnh tranh thì tập hợp các nhà sản xuất trong mỗi thị trường có thể được coi là một ngành sản xuất riêng nếu: i) các nhà sản xuất trong mỗi thị trường bán toàn bộ hoặc phần lớn hàng hóa liên quan ra thị trường đó và ii) các nhà sản xuất hàng hóa liên quan ở nơi khác trong phạm vi Cộng đồng không thể đáp ứng được phần lớn nhu cầu về mặt hàng liên quan của thị trường đó. Đối với trường hợp của ngành sản xuất riêng, hành vi gây thiệt hại đối với ngành sản xuất này vẫn có thể bị coi là hành vi gây thiệt hại đối với ngành sản xuất Cộng đồng, ngay cả khi phần lớn ngành sản xuất của toàn Cộng đồng không bị tác động, nếu hàng hóa bán phá giá được nhập khẩu chủ yếu vào thị trường riêng và gây thiệt hại đối với toàn bộ hoặc phần lớn các nhà sản xuất hàng hóa liên quan tại thị trường riêng.

2. Trong quy định tại khoản 1, các nhà sản xuất chỉ được coi là có quan hệ với nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu khi: a) một trong hai bên, nhà sản xuất và nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bên còn lại hoặc b) cả hai bên đều chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của bên thứ ba hoặc c) cả hai bên cùng kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bên thứ ba, với điều kiện có căn cứ cho phép tin hoặc nghi ngờ rằng mối quan hệ đó khiến nhà sản xuất liên quan có những hành vi khác với các nhà sản xuất khác không có mối quan hệ nêu trên. Trong Quy chế này, một bên được coi là có thể kiểm tra một bên khác khi theo quy định pháp luật hoặc trong thực tế, bên đó có khả năng ràng buộc hoặc định hướng bên còn lại.

3. Trong trường hợp ngành sản xuất Cộng đồng là tập hợp các nhà sản xuất của một vùng thì các nhà sản xuất trong vùng có thể tiến hành cam kết phù hợp với quy định tại Điều 8 đối với vùng đó. Trong trường hợp này, khi đánh giá lợi ích của Cộng đồng trong việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, cần phải tính đến lợi ích của vùng. Nếu các nhà sản



xuất cấp vùng không đưa ra cam kết một cách đầy đủ và nhanh chóng hoặc nếu tình huống thực tế là một trong các tình huống nêu tại các khoản 9 và 10 Điều 8, có thể áp dụng thuế chống bán phá tạm thời hoặc thuế chống bán phá giá chính thức nhằm bảo vệ lợi ích của toàn bộ Cộng đồng. Khi đó, thuế chống bán phá giá, nếu có thể áp dụng, sẽ chỉ giới hạn áp dụng đối với một nhóm hàng hóa hoặc một nhóm nhà xuất khẩu.

4. Các quy định tại khoản 8 Điều 3 cũng áp dụng đối với Điều này.

#### *Điều 5*

#### **Mở thủ tục điều tra**

1. Trừ các quy định tại khoản 6, thông thường, điều tra nhằm xác định hành vi phá giá, mức độ và tác động của hành vi này đối với ngành sản xuất Cộng đồng được mở theo đơn đề nghị điều tra chống bán phá giá của cá nhân hoặc tổ chức đại diện cho ngành sản xuất Cộng đồng (không phân biệt tổ chức có hay không có tư cách pháp nhân).

Đơn đề nghị điều tra chống bán phá giá có thể nộp trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua cơ quan có thẩm quyền của một nước thành viên, lên Ủy ban Châu Âu. Trong trường hợp đơn đề nghị điều tra chống bán phá giá được nộp trực tiếp lên Ủy ban Châu Âu, Ủy ban sẽ gửi cho tất cả các nước thành viên bản sao đơn đề nghị điều tra. Ngày nộp đơn được tính là ngày làm việc đầu tiên (kể cả thứ bảy) ngay sau ngày Ủy ban nhận được đơn gửi qua đường thư bảo đảm hoặc ngay sau ngày Ủy ban gửi giấy báo nhận.

Trong trường hợp không có đơn đề nghị điều tra, nước thành viên có đủ bằng chứng về hành vi bán phá giá gây thiệt hại đến ngành sản xuất Cộng đồng có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Châu Âu về các bằng chứng hiện có của mình.

2. Đơn đề nghị điều tra chống bán phá giá theo quy định tại khoản 1 phải bao gồm các bằng chứng về hành vi bán phá giá, thiệt hại do hành vi bán phá giá gây ra và mối liên hệ giữa việc nhập khẩu hàng hóa bị nghi là bán phá giá và thiệt hại có thể xảy ra. Ngoài ra, đơn đề nghị cũng phải bao gồm những thông tin sau:

- a) Thông tin về nhân thân của bên đề nghị điều tra, khối lượng và giá trị hàng hóa tương tự được sản xuất trong Cộng đồng. Trong trường hợp đơn được nộp đại diện cho ngành sản xuất Cộng đồng thì đơn phải nêu tên tất cả các nhà sản xuất hàng hóa tương tự của Cộng đồng (hoặc các Hiệp hội sản xuất hàng hóa tương tự của Cộng đồng) cũng như khối lượng và giá trị hàng hóa tương tự của từng nhà sản xuất;
- b) Thông tin mô tả đầy đủ về hàng hóa bị nghi là bán phá giá; tên nước xuất xứ hoặc nước xuất khẩu thuộc diện điều tra; thông tin về nhân thân của từng nhà xuất khẩu hoặc sản xuất nước ngoài lớn; và danh sách các nhà nhập khẩu hàng hóa là đối tượng điều tra;
- c) Thông tin về giá bán hàng hóa đang bị điều tra trên thị trường tiêu dùng nội địa của nước xuất xứ hoặc nước xuất khẩu (hoặc nếu không có các thông tin này thì là các thông tin về giá bán hàng hóa từ nước xuất xứ hay xuất khẩu sang một hay nhiều nước thứ ba hoặc các thông tin về giá trị cấu thành của hàng hóa; và giá mà hàng hóa được bán lại cho người mua độc lập đầu tiên trên thị trường Cộng đồng;
- d) Thông tin về sự gia tăng khối lượng nhập khẩu hàng hóa bị nghi là bán phá giá; tác động của hành vi nhập khẩu đối với giá hàng hóa tương tự trên thị trường Cộng đồng và đối

với ngành sản xuất Cộng đồng, biểu hiện thông qua các yếu tố và chỉ số nêu tại các khoản từ 3 đến 5 Điều 3.

3. Sau khi nhận được đơn đề nghị điều tra, Ủy ban Châu Âu sẽ kiểm tra tính xác thực của các bằng chứng về phá giá và thiệt hại nêu trong đơn nhằm xác định tính đầy đủ của các bằng chứng cho phép điều tra.
4. Điều tra chỉ được coi là đã mở đúng thủ tục quy định tại khoản 1 nếu cơ quan điều tra, căn cứ vào tỷ lệ ủng hộ hay phản đối của các nhà sản xuất hàng hóa tương tự Cộng đồng, xác định được người đứng đơn điều tra chống bán phá giá là ngành sản xuất Cộng đồng hoặc đại diện của ngành sản xuất Cộng đồng. Đơn đề nghị điều tra được coi là do ngành sản xuất Cộng đồng hoặc đại diện của ngành sản xuất Cộng đồng đứng đơn nếu có ý kiến ủng hộ hay phản đối của các nhà sản xuất Cộng đồng tương đương với mức sản lượng lớn hơn 50% tổng sản lượng sản phẩm tương tự của Cộng đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp tổng sản lượng của các nhà sản xuất Cộng đồng công khai ủng hộ đơn đề nghị điều tra thấp hơn 25% tổng sản lượng sản phẩm tương tự của Cộng đồng, cơ quan điều tra sẽ không mở điều tra.
5. Thông thường, đề nghị mở điều tra không được công bố công khai, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền ra quyết định mở điều tra. Tuy nhiên, sau khi nhận đơn đề nghị kèm theo đầy đủ tài liệu, cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo cho Chính phủ nước xuất khẩu liên quan trước khi tiến hành mở điều tra.
6. Nếu trong trường hợp đặc biệt cần thiết mở điều tra mà không căn cứ vào đơn yêu cầu điều tra của ngành sản xuất Cộng đồng hoặc đại diện của ngành sản xuất Cộng đồng, thì cơ quan có thẩm quyền chỉ được mở điều tra sau khi có đầy đủ bằng chứng về hành vi bán phá giá, thiệt hại do hành vi bán phá giá gây ra và mối liên hệ nhân quả giữa hành vi này và thiệt hại xảy ra theo quy định tại khoản 2.
7. Cơ quan điều tra sẽ kiểm tra đồng thời các bằng chứng về hành vi bán phá giá và thiệt hại xảy ra nhằm xác định tính cần thiết của việc mở điều tra. Trong trường hợp xét thấy chưa có đủ bằng chứng cần thiết, cơ quan điều tra sẽ bác đơn đề nghị điều tra. Các nước có tỷ trọng hàng nhập khẩu ít hơn 1% thị phần Cộng đồng sẽ không bị xếp vào diện điều tra chống bán phá giá, trừ trường hợp tổng tỷ trọng hàng nhập khẩu từ các nước này bằng hoặc lớn hơn 3% thị phần của Cộng đồng.
8. Bên đề nghị điều tra có thể rút đơn trước thời điểm mở điều tra. Trong trường hợp đó, cơ quan điều tra sẽ coi như chưa nhận được đơn đề nghị điều tra.
9. Nếu sau khi kiểm tra, Ủy ban Châu Âu cho rằng đã đủ bằng chứng để mở điều tra, Ủy ban sẽ tiến hành mở điều tra trong vòng 45 ngày kể từ ngày nộp đơn đề nghị điều tra và thông báo quyết định điều tra trên *Công báo của Cộng đồng Châu Âu*. Trong trường hợp ngược lại, Ủy ban có trách nhiệm thông báo cho bên đề nghị điều tra trong vòng 45 ngày kể từ ngày đơn được nộp lên Ủy ban.
10. Quyết định điều tra phải nêu rõ: thời điểm mở điều tra, hàng nhập khẩu liên quan, các nước liên quan, tóm tắt các thông tin đã nhận được, nghĩa vụ của các bên trong việc cung cấp thông tin cần thiết cho Ủy ban Châu Âu, cũng như thời hạn cho các bên quan tâm tiến hành gặp gỡ, tiếp xúc, trình bày quan điểm và cung cấp thông tin cho các bên quan tâm khác nếu quan điểm hoặc thông tin này được sử dụng trong quá trình điều tra. Ngoài ra,

quyết định điều tra cũng phải nêu rõ thời hạn thông báo kết luận điều tra cho các bên quan tâm mà Ủy ban Châu Âu phải tuân thủ, theo quy định tại khoản 5 Điều 6.

11. Ủy ban Châu Âu có trách nhiệm thông báo cho các nhà xuất khẩu, nhập khẩu, các hiệp hội đại diện cho các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu liên quan, đại diện của nước xuất khẩu và bên đề nghị điều tra về quyết định điều tra. Bên cạnh đó, trên cơ sở vẫn tôn trọng nguyên tắc bảo mật thông tin, Ủy ban Châu Âu còn phải gửi nguyên văn đơn đề nghị điều tra theo quy định tại khoản 1 cho nhà xuất khẩu, cơ quan liên quan của nước xuất khẩu và các bên quan tâm nếu có yêu cầu. Trong trường hợp số nhà sản xuất liên quan quá lớn, Ủy ban có quyền chỉ gửi nguyên văn đơn yêu cầu điều tra cho cơ quan liên quan của nước xuất khẩu hoặc cho Hiệp hội nghề nghiệp liên quan.

12. Thủ tục điều tra chống bán phá không làm ảnh hưởng đến thủ tục thông quan xuất nhập khẩu hàng hóa.

#### *Điều 6*

#### **Điều tra**

1. Sau khi có quyết định mở điều tra, Ủy ban Châu Âu tiến hành điều tra trên quy mô Cộng đồng trên cơ sở hợp tác với các nước thành viên. Điều tra được tiến hành đồng thời đối với hành vi bán phá giá và thiệt hại xảy ra do bán phá giá. Trong trường hợp điều tra về hành vi bán phá giá, Ủy ban sẽ chỉ giới hạn điều tra vào giai đoạn tối thiểu là 6 tháng trước khi mở điều tra. Mọi thông tin không liên quan đến giai đoạn thuộc giới hạn điều tra sẽ không được tính đến trong quá trình điều tra.

2. Các bên nhận được bằng câu hỏi từ cơ quan điều tra có ít nhất 30 ngày để trả lời. Thời hạn trả lời của các nhà xuất khẩu được tính từ ngày nhận được bằng câu hỏi, tức 7 ngày sau ngày bằng câu hỏi được gửi hoặc chuyển đến người đại diện ngoại giao có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Trong trường hợp bên liên quan, vì lý do đặc biệt, không thể tuân thủ thời hạn nêu trên thì trên cơ sở tính đến thời hạn điều tra đã quy định, cơ quan điều tra có thể xét gia hạn thêm 30 ngày.

3. Ủy ban Châu Âu có quyền yêu cầu các nước thành viên cung cấp thông tin. Trong trường hợp đó, các nước thành viên có nghĩa vụ huy động mọi khả năng để thực hiện yêu cầu này. Ngoài ra, các nước thành viên còn có nghĩa vụ cung cấp cho Ủy ban kết quả của các đợt kiểm tra hoặc điều tra mà các nước thành viên đã tiến hành. Nếu thông tin liên quan đến lợi ích chung hoặc nếu quốc gia thành viên cho phép cung cấp thông tin, Ủy ban Châu Âu sẽ chuyển thông tin đó hoặc bản tóm tắt thông tin đó cho các nước thành viên với điều kiện các thông tin đó phải không có tính chất bí mật.

4. Ủy ban Châu Âu có quyền yêu cầu các nước thành viên tiến hành các cuộc kiểm tra, kiểm soát cần thiết, đặc biệt là đối với các nhà nhập khẩu, nhà hoạt động kinh doanh, nhà sản xuất Cộng đồng, đồng thời tiến hành điều tra tại các nước thứ ba nếu có ý kiến đồng ý của các doanh nghiệp liên quan cũng như ý kiến không phản đối chính thức của Chính phủ nước liên quan. Các nước thành viên phải huy động mọi khả năng để thực hiện yêu cầu của Ủy ban. Các ủy viên của Ủy ban Châu Âu có thể hỗ trợ các nhân viên điều tra của các nước thành viên hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của Ủy ban hoặc đề nghị của nước thành viên.

5. Quan điểm của các bên quan tâm đã tiến hành gặp gỡ, tiếp xúc với các bên quan tâm khác theo đúng quy định tại khoản 10 Điều 5 sẽ được Ủy ban xem xét nếu các bên quan tâm nộp đơn trình bày bằng văn bản nói rõ mối quan tâm của các bên đối với công tác điều tra, tác động của kết quả điều tra đối với mình và những lý do đặc biệt khác, trong thời hạn quy định tại văn bản đăng trên Công báo của Cộng đồng Châu Âu.

6. Theo đề nghị của các bên, cơ quan điều tra có thể tổ chức các cuộc đối chất hoặc tranh luận giữa các nhà nhập khẩu, xuất khẩu, đại diện của Chính phủ nước xuất khẩu và bên đề nghị điều tra đã tiến hành gặp gỡ, tiếp xúc đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 5 với các bên có quyền lợi đối nghịch. Khi tổ chức các cuộc đối chất hoặc tranh luận nêu trên, cơ quan điều tra vẫn phải lưu ý đến tính bảo mật của thông tin cũng như thành phần của cuộc đối chất hoặc tranh luận. Các thông tin cung cấp bằng lời theo quy định của khoản này chỉ được sử dụng nếu sau đó các thông tin này được khẳng định lại bằng văn bản.

7. Các bên đề nghị điều tra, nhà xuất khẩu và nhập khẩu, các hiệp hội đại diện cho các nhà xuất nhập khẩu, người tiêu dùng và các hiệp hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã tiến hành gặp gỡ, tiếp xúc theo đúng quy định tại khoản 10 Điều 5 cũng như đại diện của nước xuất khẩu, có quyền được thông báo về những thông tin do các bên liên quan cung cấp ngoại trừ các tài liệu nội bộ của Ủy ban Châu Âu hoặc các nước thành viên, và các thông tin khác cần thiết trong việc bảo vệ lợi ích của mình nếu những thông tin này không có tính chất bí mật theo quy định tại Điều 19 và được sử dụng cho công tác điều tra. Các bên có quyền trả lời và đưa ra quan điểm riêng của mình về những thông tin này. Quan điểm của các bên sẽ được xem xét nếu được nêu rõ trong văn bản trả lời.

8. Trừ các trường hợp nêu tại Điều 18, tính chính xác của các thông tin dùng trong quá trình điều tra do các bên quan tâm cung cấp phải được xác thực lại bằng mọi phương thức có thể.

9. Đối với các thủ tục mở theo quy định tại khoản 9 Điều 5, thời hạn điều tra thông thường là một năm và tối đa không quá 15 tháng kể từ thời điểm mở điều tra, trên cơ sở phù hợp với các kết luận đưa ra theo quy định tại Điều 8 về cam kết loại trừ phá giá và Điều 9 về quyết định chống bán phá giá chính thức.

#### *Điều 7*

#### **Các biện pháp chống bán phá giá tạm thời**

1. Thuế chống bán phá giá tạm thời có thể được áp dụng nếu có đủ các điều kiện sau: (i) cơ quan điều tra đã bắt đầu điều tra theo quy định tại Điều 5, (ii) đã thông báo quyết định điều tra, (iii) đã tạo điều kiện cho các bên liên quan cung cấp thông tin và trình bày ý kiến theo quy định tại khoản 10 Điều 5; (iv) kết luận điều tra sơ bộ cho thấy có hành vi bán phá giá hàng hóa và gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất của Cộng đồng và (v) cần phải có biện pháp ngăn chặn thiệt hại đó để bảo vệ lợi ích của Cộng đồng. Thuế chống bán phá giá tạm thời không được áp dụng trước 60 ngày và sau 9 tháng kể từ ngày mở thủ tục chống bán phá giá.

2. Mức thuế chống bán phá giá tạm thời không được vượt quá biên độ phá giá trong kết luận sơ bộ và có thể nhỏ hơn biên độ phá giá này nếu như mức thuế đó đã đủ để khắc phục thiệt hại cho ngành sản xuất của Cộng đồng.

3. Thuế chống bán phá giá tạm thời có thể được bảo đảm thanh toán bằng một biện pháp bảo đảm và hàng hóa liên quan chỉ được phép lưu thông trên thị trường Cộng đồng với điều kiện có biện pháp bảo đảm này.
4. Trước khi quyết định áp dụng một biện pháp tạm thời, Ủy ban Châu Âu tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn hoặc, trong trường hợp khẩn cấp, thông báo cho các Quốc gia thành viên. Trong trường hợp này, phải tổ chức tham vấn trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày Ủy ban thông báo về việc áp dụng biện pháp tạm thời.
5. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của một Quốc gia thành viên đề nghị Ủy ban phải có biện pháp chống bán phá giá ngay lập tức, nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thì Ủy ban sẽ quyết định về việc áp dụng hay không áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời.
6. Ủy ban thông báo ngay lập tức cho Hội đồng và các Quốc gia thành viên về mọi quyết định ban hành theo quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 5. Hội đồng có thể ra một quyết định có nội dung khác theo nguyên tắc đa số tăng cường.
7. Thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời có thể là 6 tháng và được gia hạn thêm 3 tháng, hoặc là 9 tháng. Tuy nhiên, chỉ có thể áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời trong thời hạn 9 tháng hoặc gia hạn thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời thành 9 tháng trong trường hợp có yêu cầu từ các nhà xuất khẩu chiếm tỷ trọng đáng kể trong các giao dịch thương mại liên quan, hoặc trong trường hợp Ủy ban đã thông báo về ý định đó nhưng các nhà xuất khẩu này không có ý kiến phản đối.

#### *Điều 8*

### **Cam kết loại trừ bán phá giá**

#### **▼ M5**

1. Trong trường hợp kết luận điều tra sơ bộ cho thấy có hành vi bán phá giá và gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất của Cộng đồng, các nhà xuất khẩu có thể tự nguyện đưa ra cam kết hợp lý về việc điều chỉnh giá bán hoặc ngừng xuất khẩu phá giá vào thị trường Cộng đồng. Ủy ban Châu Âu có thể chấp nhận cam kết của các nhà xuất khẩu nếu xét thấy việc thực hiện cam kết đó sẽ khắc phục được thiệt hại do bán phá giá gây ra, trên cơ sở tham khảo ý kiến riêng của Ủy ban tư vấn. Trong trường hợp này, trong thời hạn cam kết của nhà xuất khẩu còn hiệu lực, thuế chống bán phá giá tạm thời do Ủy ban Châu Âu quyết định ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 7, hoặc thuế chống bán phá giá chính thức do Hội đồng Liên minh Châu Âu thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 9, tùy từng trường hợp, sẽ không được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu liên quan có xuất xứ từ các công ty được quy định tại quyết định của Ủy ban Châu Âu về chấp nhận cam kết và các văn bản sửa đổi bổ sung sau này. Mức tăng giá trong cam kết không nhất thiết phải lớn hơn mức cần thiết để loại trừ biên độ phá giá, mà có thể nhỏ hơn biên độ bán phá giá nếu như mức tăng đó đủ để khắc phục thiệt hại cho ngành sản xuất của Cộng đồng.

#### **▼ B**

2. Ủy ban Châu Âu có thể đề nghị nhà xuất khẩu cam kết nhưng nhà xuất khẩu không có nghĩa vụ phải cam kết. Việc nhà xuất khẩu không đưa ra cam kết hoặc không chấp nhận đề nghị đưa ra cam kết không ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ việc. Tuy nhiên, nếu như

hàng hóa nhập khẩu tiếp tục bị bán phá giá thì cơ quan điều tra có thể xác định rằng nguy cơ gây ra thiệt hại lớn hơn. Ủy ban chỉ đề nghị nhà xuất khẩu cam kết hoặc nhà xuất khẩu chỉ chấp nhận đưa ra cam kết trong trường hợp điều tra sơ bộ đã đi đến kết luận có hành vi bán phá giá và gây ra thiệt hại. Trừ trường hợp đặc biệt, nhà xuất khẩu không được phép đưa ra cam kết sau khi hết hạn trình bày ý kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 20.

3. Ủy ban không nhất thiết phải chấp nhận cam kết của các nhà xuất khẩu nếu xét thấy việc cam kết không có tính khả thi, chẳng hạn như do số lượng nhà xuất khẩu thực tế hoặc tiềm năng quá lớn hoặc vì những lý do khác, kể cả lý do liên quan đến chính sách chung. Nhà xuất khẩu liên quan có quyền được thông báo về lý do dẫn đến việc không chấp nhận cam kết và có thể được tạo điều kiện để trình bày ý kiến về vấn đề này. Lý do không chấp nhận cam kết của nhà xuất khẩu được nêu rõ trong kết luận cuối cùng.

4. Các bên đưa ra cam kết có nghĩa vụ cung cấp những thông tin không cần bảo mật về nội dung cam kết để cơ quan điều tra có thể thông báo cho các bên liên quan đến quá trình điều tra được biết.

5. Trong trường hợp chấp nhận cam kết của nhà xuất khẩu trên cơ sở tham khảo ý kiến của Ủy ban tư vấn và nếu trong Ủy ban tư vấn không có ý kiến nào phản đối thì việc điều tra chấm dứt. Trong mọi trường hợp khác, Ủy ban Châu Âu ngay lập tức báo cáo lên Hội đồng Liên minh Châu Âu về kết quả tham vấn, kèm theo đề xuất chấm dứt điều tra. Nếu sau thời hạn 1 tháng mà Hội đồng không có quyết định khác theo nguyên tắc đa số tăng cường thì việc điều tra chấm dứt.

6. Trong trường hợp chấp nhận cam kết của nhà xuất khẩu, cuộc điều tra về bán phá giá và thiệt hại thông thường vẫn được tiếp tục để hoàn tất. Trong trường hợp này, nếu điều tra đi đến kết luận là không có bán phá giá và không có thiệt hại thì việc cam kết mặc nhiên chấm dứt, trừ trường hợp điều tra đi kết luận như vậy phần lớn là do tiến hành trong bối cảnh đã có cam kết. Trong trường hợp này, có thể yêu cầu nhà xuất khẩu duy trì cam kết trong một thời hạn hợp lý. Nếu kết luận điều tra cho thấy có bán phá giá và có thiệt hại, thì việc cam kết sẽ được duy trì theo đúng thủ tục và theo quy định tại Quy chế này.

7. Ủy ban phải yêu cầu mọi nhà xuất khẩu đã đưa ra cam kết và được chấp nhận định kỳ cung cấp thông tin về việc thực hiện cam kết đó và cho phép cơ quan điều tra thẩm định những những thông tin thích hợp. Nếu nhà xuất khẩu từ chối thực hiện những nghĩa vụ này thì sẽ bị coi như vi phạm cam kết.

8. Trong trường hợp cam kết của một số nhà xuất khẩu được chấp nhận trong quá trình điều tra, theo quy định tại Điều 11, cam kết đó sẽ có hiệu lực kể từ ngày chấm dứt điều tra đối với nước xuất khẩu liên quan.

#### ▼ M5

9. Trong trường hợp nhà xuất khẩu đã đưa ra cam kết nhưng vi phạm hoặc rút lại cam kết của mình, hoặc Ủy ban rút lại quyết định chấp nhận cam kết, thì trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, tùy từng trường hợp, Ủy ban Châu Âu ban hành quyết định hoặc quy định rút lại chấp nhận cam kết. Trong trường hợp này, thuế chống bán phá giá tạm thời do Ủy ban Châu Âu quyết định ban hành theo quy định tại Điều 7 hoặc thuế chống bán phá giá chính thức do Hội đồng Liên minh Châu Âu thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 9 sẽ

mặc nhiên được áp dụng, với điều kiện nhà xuất khẩu liên quan đã được tạo điều kiện để trình bày ý kiến, trừ trường hợp nhà xuất khẩu tự rút lại cam kết của mình.

Bất kỳ bên liên quan nào hoặc bất kỳ Quốc gia thành viên nào cũng có quyền cung cấp các thông tin có tính chất chứng cứ rõ ràng về việc cam kết bị vi phạm. Thời hạn để hoàn tất việc kiểm tra nhằm xác định xem có vi phạm hay không có vi phạm cam kết là 6 tháng và có thể được gia hạn nhưng không được quá 9 tháng kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu điều tra bán phá giá có căn cứ hợp lệ. Ủy ban Châu Âu có thể đề nghị các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia thành viên giúp đỡ giám sát việc thực hiện cam kết.

▼B

Mis en forme : Non souligné

10. Khi có căn cứ cho rằng nhà xuất khẩu vi phạm cam kết hoặc trong trường hợp nhà xuất khẩu vi phạm hoặc rút lại cam kết mà cuộc điều tra dẫn đến cam kết này không được hoàn tất, Ủy ban Châu Âu có thể ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời theo quy định tại Điều 7, trên cơ sở các thông tin sẵn có và tham khảo ý kiến của Ủy ban tư vấn.

#### Điều 9

#### **Chấm dứt thủ tục chống bán phá giá mà không áp dụng biện pháp chống bán phá giá; áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức**

1. Nếu bên có đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá rút đơn, thủ tục chống bán phá giá có thể chấm dứt, trừ trường hợp việc chấm dứt đó không phù hợp với lợi ích của Cộng đồng.

2. Trong trường hợp sau khi tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, Ủy ban Châu Âu xét thấy không cần thiết áp dụng bất cứ biện pháp chống bán phá giá nào và trong Ủy ban tư vấn không có ý kiến phản đối, thì việc điều tra hoặc thủ tục chống bán phá giá chấm dứt. Trong mọi trường hợp khác, Ủy ban Châu Âu lập tức báo cáo lên Hội đồng Liên minh Châu Âu về kết quả tham vấn, kèm theo đề xuất chấm dứt thủ tục chống bán phá giá. Nếu sau thời hạn một tháng mà Hội đồng không có quyết định khác theo nguyên tắc đa số tăng cường thì thủ tục chống bán phá giá chấm dứt.

3. Trong trường hợp thủ tục chống bán phá giá được mở theo quy định tại khoản 9 Điều 5, thiệt hại được coi là không đáng kể nếu thị phần hàng hóa nhập khẩu liên quan nhỏ hơn tỷ lệ thị phần quy định tại khoản 7 Điều 5. Nếu biên độ phá giá, tính theo phần trăm giá xuất khẩu, được xác định là nhỏ hơn 2% thì các thủ tục chống bán phá giá này mặc nhiên chấm dứt. Tuy nhiên, chỉ chấm dứt riêng việc điều tra nếu biên độ phá giá chỉ nhỏ hơn 2% đối với một số nhà xuất khẩu riêng rẽ và các nhà xuất khẩu này vẫn bị áp dụng thủ tục chống bán phá giá và có thể bị điều tra lại trong trường hợp rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với nước liên quan theo quy định tại Điều 11.

▼M5

Mis en forme : Non souligné

4. Nếu kết luận cuối cùng cho thấy có bán phá giá và gây ra thiệt hại và việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá là cần thiết vì lợi ích của Cộng đồng theo quy định tại Điều 21, thì Hội đồng ban hành quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức, theo kiến nghị của Ủy ban Châu Âu trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn. Kiến nghị của Ủy ban được Hội đồng thông qua trừ phi Hội đồng ra quyết định bác bỏ, theo nguyên tắc đa số tương đối,

trong thời hạn một tháng kể từ ngày Ủy ban trình kiến nghị. Trong trường hợp đang áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời, kiến nghị áp dụng biện pháp chính thức phải được trình lên Hội đồng muợn nhất một tháng trước khi hết thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời. Mức thuế chống bán phá giá chính thức không được vượt quá biên độ phá giá trong kết luận cuối cùng và có thể nhỏ hơn biên độ phá giá này nếu mức thuế đó đã đủ để khắc phục thiệt hại cho ngành sản xuất của Cộng đồng.

## ▼M4

Mis en forme : Non souligné

5. Thuế chống bán phá giá được xác định theo từng trường hợp và được áp dụng trên nguyên tắc không phân biệt đối xử đối với mọi hàng hóa nhập khẩu được xác định là bán phá giá và gây ra thiệt hại, bất kể nhập khẩu từ nguồn nào, trừ hàng hóa nhập khẩu từ những nguồn đã đưa ra cam kết theo quy định tại Quy chế này và được chấp nhận. Quy định đánh thuế chống bán phá giá phải nêu rõ mức thuế áp dụng đối với từng nhà xuất khẩu hoặc nếu điều đó không thể thực hiện được và theo nguyên tắc chung, trong những trường hợp quy định tại điểm a) khoản 7 Điều 2 thì nêu tên nước xuất khẩu liên quan.

Tuy nhiên, trong trường hợp áp dụng điểm a) khoản 7 Điều 2, có thể xác định mức thuế chống bán phá giá riêng cho từng nhà xuất khẩu với điều kiện nhà xuất khẩu đó nộp đơn đề nghị xác định mức thuế riêng kèm theo thông tin, tài liệu hợp lệ, chứng minh được rằng:

- a) Nếu là doanh nghiệp do người nước ngoài kiểm soát toàn bộ hoặc một phần hoặc là doanh nghiệp liên doanh, thì nhà xuất khẩu được tự do chuyển vốn và lợi nhuận về nước;
- b) Giá xuất khẩu, khối lượng xuất khẩu và phương thức bán hàng đều do các bên tự do thỏa thuận;
- c) Phần lớn cổ phiếu của doanh nghiệp do cá nhân nắm giữ. Số công chức Nhà nước là thành viên của hội đồng quản trị hoặc nắm giữ vị trí quản lý chủ chốt chỉ là thiểu số, hoặc doanh nghiệp vẫn giữ được tính độc lập đối với các cơ quan Nhà nước;
- d) Các nghiệp vụ ngoại hối được thực hiện theo tỷ giá thị trường, và
- e) Nhà nước không can thiệp đến mức tạo điều kiện cho nhà xuất khẩu trốn thuế chống bán phá giá nếu nhà xuất khẩu được áp dụng mức thuế chống bán phá giá riêng.

Mis en forme : Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Numéros + Niveau : 2  
+ Style de numérotation : a, b,  
c, ... + Commencer à : 1 +  
Alignement : Gauche +  
Alignement : 1,9 cm +  
Tabulation après : 2,54 cm +  
Retrait : 2,54 cm,  
Tabulations : Pas à 2,54 cm

## ▼B

Mis en forme : Non souligné

6. Trong trường hợp Ủy ban giới hạn phạm vi điều tra theo quy định tại Điều 17, mức thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu đã trình bày quan điểm và cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 17, nhưng không thuộc diện điều tra, không được vượt quá biên độ phá giá bình quân gia quyền của các bên thuộc mẫu điều tra. Khi xác định biên độ phá giá bình quân gia quyền theo quy định tại khoản này, Ủy ban không tính đến các biên độ phá giá 0 và biên độ phá giá không đáng kể cũng như các biên độ được xác định trong bối cảnh quy định tại Điều 18. Phải áp dụng mức thuế chống bán phá giá riêng cho hàng hóa nhập khẩu từ nhà sản xuất hoặc xuất khẩu được hưởng chế độ đối xử riêng theo quy định tại Điều 17.

*Điều 10*

**Hội tó**



1. Các biện pháp tạm thời và thuế chống bán phá giá chính thức chỉ được áp dụng đối với hàng hóa được đưa vào lưu thông sau thời điểm quyết định ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 4 Điều 9 có hiệu lực, trừ những trường hợp ngoại lệ quy định tại Quy chế này.
2. Trong trường hợp thuế chống bán phá giá tạm thời đã được áp dụng và kết luận cuối cùng xác định là có bán phá giá và có thiệt hại, Hội đồng sẽ quyết định về việc thuế chống bán phá giá tạm thời phải được thu đến mức nào, không phụ thuộc vào việc có nên áp dụng hay không áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức. Căn cứ để đưa ra quyết định nói trên là yếu tố “thiệt hại” không bao gồm tình trạng dẫn đến khó khăn đáng kể cho việc hình thành một ngành sản xuất của Cộng đồng cũng như nguy cơ gây ra thiệt hại đáng kể, trừ phi xác định được là nguy cơ gây ra thiệt hại đáng kể sẽ chuyển thành thiệt hại đáng kể trên thực tế nếu không áp dụng các biện pháp tạm thời. Trong trường hợp yếu tố thiệt hại bao gồm nguy cơ gây ra thiệt hại đáng kể hoặc tình trạng dẫn đến khó khăn đáng kể cho việc hình thành một ngành sản xuất của Cộng đồng, thuế chống bán phá giá tạm thời phải được thu đủ và thuế chống bán phá giá chính thức chỉ có thể được áp dụng kể từ ngày kết luận cuối cùng xác định là có nguy cơ gây ra thiệt hại hoặc cản trở đáng kể.
3. Nếu mức thuế chống bán phá giá trong kết luận cuối cùng cao hơn mức thuế chống bán phá giá tạm thời thì không truy thu khoản chênh lệch về thuế. Nếu **Erreur ! Liaison incorrecte.** sẽ tính lại mức thuế. Nếu kết luận cuối cùng xác định là không có bán phá giá và không có thiệt hại thì thuế chống bán phá giá tạm thời sẽ không có hiệu lực.
4. Có thể truy thu thuế chống bán phá giá chính thức đối với hàng hóa được nhập khẩu trong thời hạn 90 ngày trước khi áp dụng biện pháp tạm thời, nhưng không truy thu thuế đối với hàng hóa được nhập khẩu trước ngày bắt đầu điều tra, nếu các điều kiện sau đây đồng thời xảy ra: hàng hóa nhập khẩu đã được đăng ký theo quy định tại khoản 5 Điều 14; Ủy ban đã tạo điều kiện cho các nhà xuất khẩu trình bày ý kiến; và
  - a) hàng hóa liên quan đã có một quá trình bị bán phá giá lâu dài hoặc nhà nhập khẩu đã biết hoặc lẽ ra phải biết về hành vi bán phá giá, quy mô bán phá giá và quy mô thiệt hại có thể xảy ra hoặc đã xảy ravà
  - b) ngoài khối lượng hàng hóa nhập khẩu vào EU và gây ra thiệt hại trong thời gian điều tra, còn có hiện tượng hàng hóa nhập khẩu tiếp tục tăng đột biến, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả khắc phục thiệt hại của biện pháp áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức, trên cơ sở đã xem xét đến yếu tố thời điểm nhập khẩu, khối lượng, trị giá hàng hóa nhập khẩu hoặc các yếu tố khác.
5. Trong trường hợp nhà xuất khẩu vi phạm hoặc rút lại cam kết, thuế chống bán phá giá chính thức có thể được áp dụng hồi tố đối với hàng hóa đưa vào lưu thông trong vòng 90 ngày trước khi áp dụng các biện pháp tạm thời, với điều kiện hàng hóa nhập khẩu đã được đăng ký hải quan theo quy định tại khoản 5 Điều 14 và không truy thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu trước thời điểm vi phạm hoặc rút lại cam kết.

#### *Điều 11*

#### **Thời hạn, rà soát và hoàn thuế**

1. Biện pháp chống bán phá giá chỉ được áp dụng trong một thời gian và ở mức độ cần thiết nhằm khắc phục thiệt hại do việc bán phá giá gây ra.

2. Thời hạn áp dụng một biện pháp chống bán phá giá là 5 năm kể từ ngày có quyết định áp dụng biện pháp đó hoặc 5 năm kể từ ngày có kết luận rà soát gần nhất về hành vi bán phá giá và thiệt hại, trừ trường hợp kết luận rà soát xác định rằng việc chấm dứt áp dụng biện pháp chống bán phá giá có thể tạo điều kiện thuận lợi cho hành vi bán phá giá và thiệt hại tiếp tục xảy ra hoặc tái diễn. Trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá, Ủy ban sẽ chủ động tiến hành rà soát, hoặc theo đề nghị của các nhà sản xuất của Cộng đồng hoặc đại diện của họ; biện pháp chống bán phá giá vẫn có hiệu lực trong thời gian rà soát.

Việc rà soát các biện pháp chống bán phá giá trước khi các biện pháp này hết hiệu lực sẽ được tiến hành khi đề nghị rà soát có đủ chứng cứ chứng minh được rằng việc chấm dứt áp dụng các biện pháp chống bán phá giá có thể tạo điều kiện thuận lợi cho hành vi bán phá giá và thiệt hại tiếp tục xảy ra hoặc tái diễn. Có thể chứng minh khả năng này bằng một số chứng cứ như: hành vi bán phá giá và thiệt hại tiếp tục xảy ra; hoặc thiệt hại chỉ có thể được khắc phục hoàn toàn hoặc một phần là nhờ vào việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá; hoặc tình hình hoạt động của các nhà xuất khẩu hoặc bối cảnh thị trường rất dễ dẫn đến khả năng hành vi bán phá giá gây thiệt hại tái diễn.

Trong thời gian điều tra rà soát theo quy định tại khoản này, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, đại diện của nước xuất khẩu và nhà sản xuất của Cộng đồng có thể trình bày ý kiến ủng hộ, bác bỏ hoặc bình luận về những giả thuyết nêu trong đơn đề nghị rà soát và kết luận rà soát sẽ cân nhắc đến mọi yếu tố chứng cứ xác đáng và có tài liệu làm căn cứ hợp lệ, nhằm xác định xem liệu việc chấm dứt áp dụng biện pháp chống bán phá giá có thể tạo điều kiện thuận lợi cho hành vi bán phá giá và thiệt hại tiếp tục xảy ra hoặc tái diễn hay không.

Thông báo về việc sắp chấm dứt áp dụng biện pháp chống bán phá giá phải được đăng trên *Công báo của các Cộng đồng Châu Âu* vào một thời điểm thích hợp trong vòng một năm trước khi kết thúc thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quy định tại khoản này. Sau khi có thông báo, các nhà sản xuất của Cộng đồng có quyền nộp đơn đề nghị rà soát theo quy định tại đoạn 2 khoản này, muộn nhất là 3 tháng trước khi kết thúc thời hạn 5 năm. Thông báo về việc chính thức chấm dứt áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quy định tại khoản này cũng phải được công bố công khai.

3. Cơ quan điều tra cũng có thể rà soát để xác định xem có cần duy trì các biện pháp chống bán phá giá hay không, nếu có căn cứ để rà soát, theo yêu cầu của Ủy ban hoặc của một Quốc gia thành viên, hoặc theo đề nghị của nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu hoặc các nhà sản xuất của Cộng đồng, với điều kiện đơn đề nghị đó được gửi đến cơ quan điều tra sau một thời gian hợp lý ít nhất là một năm kể từ ngày có quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức và có đủ chứng cứ chứng minh tính cần thiết của việc rà soát giữa kỳ.

Việc rà soát giữa kỳ được tiến hành khi đề nghị rà soát có đủ chứng cứ chứng minh được rằng:

- việc duy trì biện pháp chống bán phá giá là không còn cần thiết để khắc phục thiệt hại do bán phá giá gây ra; và/hoặc

**Mis en forme :** Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Avec puces + Niveau  
: 2 + Aligement : 1,9 cm +  
Tabulation après : 2,54 cm +  
Retrait : 2,54 cm,  
Tabulations : Pas à 2,54 cm

- thiệt hại không chắc tiếp tục xảy ra hoặc tái diễn trong trường hợp chấm dứt hoặc điều chỉnh biện pháp chống bán phá giá; hoặc
- biện pháp chống bán phá giá hiện tại không đủ hoặc không còn đủ để khắc phục thiệt hại do bán phá giá gây ra.

Trong thời gian tiến hành rà soát theo quy định tại khoản này, Ủy ban Châu Âu cũng có quyền xem xét xem liệu bối cảnh liên quan đến hành vi bán phá giá và thiệt hại có thay đổi đáng kể hay không hoặc biện pháp hiện tại có mang lại hiệu quả như dự tính và khắc phục được thiệt hại đã được xác định theo quy định tại Điều 3 hay không. Để thực hiện được điều đó, Ủy ban sẽ cân nhắc đến mọi yếu tố chứng cứ xác đáng và có tài liệu làm căn cứ hợp lệ trong kết luận cuối cùng.

4. Cơ quan điều tra cũng tiến hành rà soát nhằm xác định biên độ phá giá riêng cho từng nhà xuất khẩu mới của nước xuất khẩu liên quan. Nhà xuất khẩu mới là nhà xuất khẩu không xuất khẩu hàng hóa trong thời gian điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Việc rà soát được tiến hành khi nhà xuất khẩu mới hoặc nhà sản xuất mới chứng minh được rằng họ không liên quan đến các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hàng hóa của nước xuất khẩu đang bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá và hàng hóa của họ thực sự được nhập khẩu vào Cộng đồng sau thời gian điều tra nói trên, hoặc chứng minh được rằng họ đã giao kết một hợp đồng không thể hủy bỏ là xuất khẩu một khối lượng lớn hàng hóa sang Cộng đồng.

Cơ quan điều tra mở thủ tục rà soát liên quan đến nhà xuất khẩu mới và tiến hành một cách khẩn trương sau khi tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn và tạo điều kiện cho các nhà sản xuất của Cộng đồng trình bày ý kiến. Quy định do Ủy ban Châu Âu ban hành về việc mở thủ tục rà soát sẽ bãi bỏ mức thuế hiện hành đối với nhà xuất khẩu mới liên quan trên cơ sở sửa đổi quy định đã ban hành về việc áp dụng thuế chống bán phá giá, đồng thời yêu cầu hàng hóa nhập khẩu phải đăng ký hải quan theo quy định tại Điều 14 nhằm mục đích trong trường hợp kết quả rà soát xác định được là nhà xuất khẩu đó có bán phá giá, thì truy thu thuế chống bán phá giá kể từ ngày bắt đầu rà soát.

Không áp dụng quy định tại khoản này trong trường hợp thuế chống bán phá giá đã được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 9.

▼M5

Mis en forme : Non souligné

5. Những quy định tương ứng của Quy chế này liên quan đến thủ tục mở và tiến hành điều tra, trừ quy định liên quan đến thời hạn, được áp dụng đối với mọi quá trình rà soát theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này. Việc rà soát theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 phải được khẩn trương tiến hành và thông thường phải được hoàn tất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bắt đầu rà soát. Trong mọi trường hợp, thời hạn của việc rà soát theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 không được quá 15 tháng kể từ khi bắt đầu rà soát. Việc rà soát theo quy định tại khoản 4, trong mọi trường hợp, phải được hoàn tất trong thời hạn 9 tháng kể từ ngày bắt đầu rà soát. Nếu việc rà soát theo quy định tại khoản 2 được bắt đầu tiến hành trong khi việc rà soát theo quy định tại khoản 3 đang được tiến hành với cùng một thủ tục chống bán phá giá, thì thời hạn của việc rà soát theo quy định tại khoản 3 cũng là thời hạn của việc rà soát theo quy định tại khoản 2 và là thời hạn nêu trên.

Ủy ban Châu Âu kiến nghị Hội đồng ra quyết định sau rà soát chậm nhất một tháng trước khi kết thúc các thời hạn nêu trên.

Nếu việc rà soát không được hoàn tất trong các thời hạn nêu trên thì các biện pháp chống bán phá giá:

- chấm dứt hiệu lực trong trường hợp rà soát theo quy định tại khoản 2,
- chấm dứt hiệu lực trong trường hợp đồng thời rà soát theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, khi có một trong hai điều kiện sau: (i) việc rà soát theo quy định tại khoản 2 được bắt đầu tiến hành trong khi việc rà soát theo quy định tại khoản 3 đang được tiến hành với cùng một thủ tục chống bán phá giá; (ii) 2 quá trình rà soát đó được bắt đầu vào cùng thời điểm; hoặc
- tiếp tục được áp dụng trong trường hợp rà soát theo quy định tại khoản 3 và khoản 4.

Thông báo về việc chính thức chấm dứt hoặc duy trì các biện pháp chống bán phá giá theo quy định tại khoản này phải được đăng trên *Công báo của Liên minh Châu Âu*.

**Mis en forme :** Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Avec puces + Niveau  
: 2 + Aligement : 1,9 cm +  
Tabulation après : 2,54 cm +  
Retrait : 2,54 cm,  
Tabulations : Pas à 2,54 cm

▼B

**Mis en forme :** Non souligné

6. Ủy ban Châu Âu ra quyết định tiến hành rà soát theo quy định tại Điều này trên cơ sở tham khảo ý kiến uỷ ban tư vấn. Căn cứ vào kết quả rà soát, thiết chế đã thông qua biện pháp chống bán phá giá sẽ ra quyết định bãi bỏ hoặc duy trì biện pháp đó theo quy định tại khoản 2, hoặc quyết định bãi bỏ, duy trì hoặc sửa đổi biện pháp đó theo quy định tại khoản 3 và khoản 4. Trong trường hợp biện pháp chống bán phá giá chỉ được bãi bỏ đối với từng nhà xuất khẩu riêng rẽ, chứ không bãi bỏ đối với cả nước xuất khẩu liên quan, thì các nhà xuất khẩu đó vẫn thuộc diện bị áp dụng thủ tục chống bán phá giá và có thể mặc nhiên bị điều tra lại khi cơ quan điều tra tiến hành rà soát đối với nước xuất khẩu đó theo quy định tại Điều này.

7. Trong trường hợp việc rà soát theo quy định tại khoản 3 vẫn đang được tiến hành vào thời điểm thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quy định tại khoản 2 kết thúc, thì việc rà soát đó sẽ bao gồm cả nội dung rà soát theo quy định tại khoản 2.

8. Không phụ thuộc vào quy định tại khoản 2, nhà nhập khẩu có quyền đề nghị được hoàn thuế nếu chứng minh được rằng biên độ phá giá là cơ sở xác định mức thuế mà họ đã nộp đã bị triệt tiêu hoặc giảm xuống mức thấp hơn mức thuế hiện hành.

Để được hoàn thuế chống bán phá giá, nhà nhập khẩu phải nộp đơn xin hoàn thuế cho Ủy ban Châu Âu. Đơn xin hoàn thuế phải được nộp thông qua Quốc gia thành viên đang lưu thông hàng hóa liên quan, trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền xác định một cách hợp lệ mức thuế chống bán phá giá chính thức hoặc kể từ ngày có quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời. Các Quốc gia thành viên ngay lập tức chuyển đơn xin hoàn thuế đến Ủy ban.

Đơn xin hoàn thuế chỉ được coi là có đủ chứng cứ hợp lệ nếu nêu rõ yêu cầu cụ thể về trị giá khoản thuế chống bán phá giá phải hoàn lại và kèm theo mọi chứng từ thuế quan liên quan đến việc xác định và thanh toán khoản thuế này. Nội dung đơn xin hoàn thuế cũng phải bao gồm các chứng cứ, được xác định trong một giai đoạn mang tính đại diện, về giá trị thông thường và giá xuất khẩu vào Cộng đồng của nhà sản xuất hoặc xuất khẩu đang bị áp dụng thuế chống bán phá giá. Trong trường hợp nhà nhập khẩu không có quan hệ với nhà

sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hóa liên quan và không có sẵn ngay lập tức các thông tin nói trên hoặc không được nhà sản xuất hoặc xuất khẩu cung cấp cho, thì đơn xin hoàn thuế phải kèm theo văn bản theo đó nhà sản xuất hoặc xuất khẩu tuyên bố rằng biên độ phá giá đã giảm hoặc bị triệt tiêu, theo quy định tại Điều này, và cam kết sẽ cung cấp các chứng cứ thích hợp cho Ủy ban. Nếu nhà sản xuất hoặc xuất khẩu không cung cấp các chứng cứ nói trên trong một thời hạn hợp lý thì đơn xin hoàn thuế bị bác bỏ.

Trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, Ủy ban Châu Âu quyết định về việc chấp nhận hay không chấp nhận đơn xin hoàn thuế và về mức độ hoàn thuế, hoặc Ủy ban có thể ra quyết định rà soát giữa kỳ vào bất kỳ lúc nào; các thông tin và kết luận có được từ việc rà soát theo quy định liên quan đến hình thức rà soát này sẽ được sử dụng để xác định xem có căn cứ để quyết định hoàn thuế hay không và hoàn thuế ở mức độ nào. Thời hạn ra quyết định về việc hoàn thuế thông thường là 12 tháng và trong mọi trường hợp không được quá 18 tháng kể từ ngày có đơn xin hoàn thuế với đầy đủ chứng cứ hợp lệ do nhà nhập khẩu hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá nộp. Quyết định hoàn thuế phải được các Quốc gia thành viên thực hiện trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có quyết định đó.

9. Trong mọi quá trình điều tra để rà soát hoặc hoàn thuế theo quy định tại Điều này, với điều kiện bối cảnh không thay đổi, Ủy ban áp dụng phương pháp điều tra đã được sử dụng trong lần điều tra dẫn đến kết luận áp dụng thuế chống bán phá giá, theo quy định tại Điều 2, nhất là khoản 11 và khoản 12, và quy định tại Điều 17.

10. Trong mọi quá trình điều tra theo quy định tại Điều này, Ủy ban xem xét tính tin cậy của giá xuất khẩu được quy định tại Điều 2. Tuy nhiên, trong trường hợp đã quyết định tính giá xuất khẩu theo quy định tại khoản 9 Điều 2, Ủy ban phải tính giá xuất khẩu trên cơ sở không khấu trừ khoản thuế chống bán phá giá đã nộp, với điều kiện các chứng cứ được cung cấp cho thấy khoản thuế này được tính vào giá bán buôn, bán lẻ hàng hóa nhập khẩu trên thị trường Cộng đồng một cách hợp lệ.

#### Điều 12

▼M5

Mis en forme : Non souligné

1. Trong thời hạn 2 năm kể từ ngày bắt đầu áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, nếu ngành sản xuất của Cộng đồng hoặc bên liên quan khác cung cấp đầy đủ thông tin về việc giá xuất khẩu giảm sau giai đoạn điều tra ban đầu và trước hoặc sau khi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, hoặc thông tin cho thấy việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá không làm thay đổi hoặc chỉ làm thay đổi không đáng kể giá bán buôn, bán lẻ hàng hóa nhập khẩu trên thị trường Cộng đồng, thì sau khi tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, Ủy ban có thể ra quyết định điều tra lại nhằm xem xét đánh giá tác động của biện pháp chống bán phá giá đối với các mức giá nêu trên.

Ủy ban cũng có thể chủ động, hoặc theo đề nghị của một Quốc gia thành viên, tiến hành điều tra lại, với những điều kiện nêu trên.

▼B

Mis en forme : Non souligné

2. Trong quá trình điều tra lại theo quy định tại Điều này, các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và nhà sản xuất của Cộng đồng phải được tạo điều kiện để làm rõ tình hình liên quan đến giá bán buôn, bán lẻ. Nếu kết luận điều tra cho thấy biện pháp chống bán phá giá đã không đạt được mục đích làm thay đổi các mức giá đó nhằm khắc phục thiệt hại được xác

định theo quy định tại Điều 3, thì giá xuất khẩu phải được tính lại theo quy định tại Điều 2 và biên độ phá giá cũng phải được tính lại trên cơ sở giá xuất khẩu mới đó. ►**M5** Trong trường hợp cho rằng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 12 đồng thời xảy ra là do giá xuất khẩu giảm sau giai đoạn điều tra ban đầu và trước hoặc sau khi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, thì biên độ phá giá có thể được tính lại trên cơ sở giá xuất khẩu đã giảm đó. ◀

▼**M5**

Mis en forme : Non souligné

3. Nếu kết quả điều tra lại theo quy định tại Điều này cho thấy hành vi bán phá phá gia tăng, thì sau khi tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, Hội đồng Liên minh Châu Âu có thể ra quyết định sửa đổi các biện pháp chống bán phá giá hiện hành theo kiến nghị của Ủy ban Châu Âu, trên cơ sở căn cứ vào kết quả xác định lại giá xuất khẩu. Kiến nghị của Ủy ban được Hội đồng thông qua trừ phi Hội đồng ra quyết định bác bỏ theo nguyên tắc đa số tương đối trong thời hạn một tháng kể từ ngày Ủy ban trình lên. Mức thuế chống bán phá giá được xác định theo quy định tại Điều này không được vượt quá 2 lần mức thuế chống bán phá giá ban đầu.

4. Mọi quá trình điều tra lại theo quy định tại Điều này phải tuân theo những quy định tương ứng tại Điều 5 và Điều 6. Tuy nhiên, việc điều tra này phải được khẩn trương tiến hành và thông thường phải được hoàn tất trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bắt đầu điều tra. Trong mọi trường hợp, thời hạn của việc điều tra lại không được quá 9 tháng kể từ ngày bắt đầu điều tra.

Ủy ban trình kiến nghị lên Hội đồng chậm nhất một tháng trước khi kết thúc thời hạn nêu trên.

Nếu việc điều tra không được hoàn tất trong các thời hạn nêu trên thì các biện pháp chống bán phá giá được giữ nguyên. Thông báo về việc duy trì các biện pháp chống bán phá giá theo quy định tại khoản này phải được đăng trên *Công báo của Liên minh Châu Âu*.

▼**B**

Mis en forme : Non souligné

5. Các đề nghị điều chỉnh giá trị thông thường chỉ được chú ý xem xét theo quy định tại Điều này trong trường hợp các thông tin đầy đủ về giá trị thông thường sau khi điều chỉnh, kèm theo chứng cứ hợp lệ, được cung cấp cho Ủy ban Châu Âu trong thời hạn nêu trong thông báo mở điều tra. Nếu việc điều tra đòi hỏi phải xem xét lại giá trị thông thường thì hàng hóa nhập khẩu liên quan có thể bị buộc phải đăng ký hải quan theo quy định tại khoản 5 Điều 14 trước khi có kết quả điều tra lại.

### Điều 13

#### Trốn thuế chống bán phá giá

▼**M5**

Mis en forme : Non souligné

1. Khi có hành vi trốn thuế chống bán phá giá hiện hành, phạm vi áp dụng thuế chống bán phá giá theo quy định tại Quy chế này có thể bao gồm cả hàng hóa tương tự nhập khẩu từ nước thứ ba, kể cả hàng hóa có điều chỉnh không đáng kể, cũng như hàng hóa tương tự có điều chỉnh không đáng kể được nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá hoặc linh kiện của hàng hóa này. Trong trường hợp trốn thuế chống bán phá giá hiện hành, thuế chống bán phá giá không vượt quá mức thuế chung quy định tại khoản 5 Điều 9 của Quy chế này có thể được áp dụng cả với hàng hóa nhập khẩu từ các công ty

được hưởng mức thuế riêng của nước xuất khẩu đang bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Trốn thuế chống bán phá giá được xác định trên cơ sở 3 yếu tố sau:

- có sự thay đổi về mô hình, phương thức trao đổi thương mại giữa nước thứ ba và Cộng đồng hoặc giữa các công ty của nước đang bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá và Cộng đồng, thông qua những hành vi, giao dịch hoặc hoạt động gia công mà không có căn cứ hoặc lý do kinh tế nào khác ngoài lý do trốn thuế;
- có căn cứ cho thấy có thiệt hại hoặc tác dụng của thuế chống bán phá giá trong việc điều chỉnh giá và/hoặc số lượng hàng hóa tương tự bị suy giảm;
- có chứng cứ, được xây dựng theo quy định tại Điều 2 trong trường hợp cần thiết, chứng minh được là có hành vi bán phá giá trên cơ sở so sánh với giá trị thông thường đã được xác định cho hàng hóa tương tự.

**Mis en forme :** Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Avec puces + Niveau  
: 2 + Alignement : 1,9 cm +  
Tabulation après : 2,54 cm +  
Retrait : 2,54 cm,  
Tabulations : Pas à 2,54 cm

Những hành vi, giao dịch hoặc hoạt động gia công quy định tại đoạn 1 khoản này chủ yếu bao gồm:

- điều chỉnh không đáng kể hàng hóa liên quan nhằm được cấp mã số thuế quan khác và do đó sẽ không bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, với điều kiện những điều chỉnh này không làm thay đổi các đặc tính cơ bản của hàng hóa đó;
- xuất khẩu hàng hóa đang bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá thông qua nước thứ ba;
- tổ chức lại hệ thống bán hàng giữa các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu của nước đang bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá nhằm làm cho sản phẩm của họ cuối cùng lại được xuất khẩu sang Cộng đồng thông qua nhà sản xuất được hưởng thuế suất riêng, thấp hơn thuế suất áp dụng đối với sản phẩm của họ; và
- hoạt động lắp ráp trong Cộng đồng hoặc tại nước thứ ba, với các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

**Mis en forme :** Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Avec puces + Niveau  
: 2 + Alignement : 1,9 cm +  
Tabulation après : 2,54 cm +  
Retrait : 2,54 cm,  
Tabulations : Pas à 2,54 cm

## ▼ B

2. Hoạt động lắp ráp trong Cộng đồng hoặc tại nước thứ ba sẽ bị coi là hành vi trốn thuế chống bán phá giá hiện hành nếu có các điều kiện sau đây:

- a) hoạt động lắp ráp đã bắt đầu hoặc gia tăng đáng kể từ khi hoặc ngay trước khi bắt đầu điều tra chống bán phá giá và linh kiện để lắp ráp có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá;
  - b) giá trị linh kiện có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá chiếm ít nhất 60% tổng giá trị linh kiện sản phẩm được lắp ráp; tuy nhiên, nếu giá trị gia tăng của linh kiện được sử dụng trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm chiếm hơn 25% chi phí sản xuất thì trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được coi là hành vi trốn thuế chống bán phá giá;
- và
- c) hiệu lực của thuế chống bán phá giá trong việc điều chỉnh giá và/hoặc số lượng sản phẩm tương tự được lắp ráp bị suy giảm và có chứng cứ về việc bán phá giá trên cơ sở so sánh với giá trị thông thường đã được xác định đối với hàng hóa tương tự.

**Mis en forme :** Non souligné

**Mis en forme :** Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Numéros + Niveau : 1  
+ Style de numérotation : a, b,  
c, ... + Commencer à : 1 +  
Alignement : Gauche +  
Alignement : 0,63 cm +  
Tabulation après : 1,27 cm +  
Retrait : 1,27 cm,  
Tabulations : Pas à 1,27 cm

**Mis en forme :** Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Numéros + Niveau : 1  
+ Style de numérotation : a, b,  
c, ... + Commencer à : 1 +  
Alignement : Gauche +  
Alignement : 0,63 cm +  
Tabulation après : 1,27 cm +  
Retrait : 1,27 cm,  
Tabulations : Pas à 1,27 cm

▼M5

Mis en forme : Non souligné

3. Ủy ban chủ động, hoặc theo đề nghị của một Quốc gia thành viên hoặc của một bên liên quan, mở điều tra theo quy định tại Điều này, trên cơ sở có đầy đủ chứng cứ liên quan đến các yếu tố quy định tại khoản 1. Trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, Ủy ban Châu Âu ban hành quy định mở điều tra và cũng có thể yêu cầu cơ quan hải quan có biện pháp buộc nhà nhập khẩu phải làm thủ tục đăng ký hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều 14, hoặc phải có biện pháp bảo đảm. Ủy ban Châu Âu tiến hành điều tra với sự giúp đỡ của cơ quan Hải quan, nếu có, và phải đưa ra kết luận trong thời hạn 9 tháng. Nếu kết luận cuối cùng cho thấy cần phải mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, thì Hội đồng Liên minh Châu Âu ra quyết định mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp này theo kiến nghị của Ủy ban Châu Âu, trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn. Kiến nghị của Ủy ban Châu Âu được Hội đồng thông qua trừ phi Hội đồng ra quyết định bác bỏ, theo nguyên tắc đa số tương đối, trong thời hạn một tháng kể từ ngày Ủy ban trình lên. Quyết định mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá có hiệu lực kể từ ngày đăng ký hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều 14, hoặc ngày có biện pháp bảo đảm. Những quy định tương ứng của Quy chế này liên quan đến thủ tục mở và tiến hành điều tra được áp dụng cho nội dung quy định tại Điều này.

4. Hàng hóa nhập khẩu không cần phải làm thủ tục đăng ký hải quan theo quy định tại khoản 5 Điều 14, hoặc không bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá nếu nhà sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa đó được hưởng miễn trừ. Đơn xin hưởng miễn trừ, có căn cứ hợp lệ, phải được nộp trong thời hạn nêu trong quy định mở điều tra do Ủy ban ban hành. Trong trường hợp những hành vi, giao dịch hoặc hoạt động gia công nhằm mục đích trốn thuế chống bán phá giá diễn ra bên ngoài Cộng đồng, nếu nhà sản xuất hàng hóa liên quan chứng minh được là họ không liên quan đến bất kỳ nhà sản xuất nào đang bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và bản thân họ được công nhận là không có hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, thì họ có thể được hưởng miễn trừ. Trong trường hợp những hành vi, giao dịch hoặc hoạt động gia công nhằm mục đích trốn thuế chống bán phá giá diễn ra bên trong Cộng đồng, nếu nhà nhập khẩu hàng hóa liên quan chứng minh được là họ không liên quan đến bất kỳ nhà sản xuất nào đang bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá thì họ có thể được hưởng miễn trừ.

Quyết định cho hưởng miễn trừ do Ủy ban Châu Âu ban hành trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn hoặc do Hội đồng Liên minh Châu Âu ban hành. Quyết định cho hưởng miễn trừ cũng phải nêu rõ thời hạn và điều kiện được hưởng miễn trừ.

Trong trường hợp có đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 11, quyết định cho hưởng miễn trừ cũng có thể được ban hành sau khi kết thúc điều tra rà soát và đi đến kết luận mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá.

Nếu số lượng các bên xin hưởng miễn trừ hoặc có thể xin hưởng miễn trừ quá lớn, thì Ủy ban có thể ra quyết định tiến hành rà soát việc mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, với điều kiện ít nhất sau một năm kể từ thời điểm mở rộng phạm vi áp dụng này. Việc rà soát này phải tuân theo quy định tại khoản 5 Điều 11, vốn được áp dụng đối với việc rà soát quy định tại khoản 3 Điều 11.

▼B

Mis en forme : Non souligné



5. Quy định tại Điều này không gây cản trở đến việc áp dụng như bình thường các quy định hiện hành về thuế quan.

#### Điều 14

#### Những quy định chung

1. Thuế chống bán phá giá tạm thời và chính thức đều do Ủy ban Châu Âu hoặc Hội đồng Liên minh Châu Âu thông qua trên cơ sở ban hành một quy định áp dụng thuế và sẽ do các Quốc gia thành viên tổ chức thu theo hình thức, thuế suất và các điều kiện khác nêu trong quy định áp dụng thuế đó. Thuế chống bán phá giá cũng được tiến hành thu một cách độc lập với thuế quan, phí và lệ phí khác vẫn thường áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu. Mỗi hàng hóa không thể đồng thời phải chịu cả thuế chống bán phá giá lẫn thuế đối kháng nhằm khắc phục cùng một thiệt hại do bán phá giá hoặc do trợ cấp xuất khẩu gây ra.

2. Các quy định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời hoặc chính thức, quy định hoặc quyết định về việc chấp nhận cam kết hoặc chấm dứt điều tra hoặc thủ tục chống bán phá giá phải được đăng trên *Công báo của các Cộng đồng Châu Âu*. Trên nguyên tắc bảo vệ những thông tin mật, các văn bản này chủ yếu bao gồm những thông tin sau: tên nhà xuất khẩu, nếu có thể được, hoặc tên nước liên quan, mô tả về hàng hóa và tổng hợp các sự việc và nhận định chính liên quan đến việc xác định hành vi bán phá giá và thiệt hại. Trong mọi trường hợp, bản sao các quy định hoặc quyết định nói trên phải được gửi cho các bên có liên quan. Quy định tại khoản này cũng được áp dụng trong trường hợp rà soát, trên cơ sở có những điều chỉnh cần thiết.

3. Các quy định riêng, chủ yếu liên quan đến định nghĩa chung về khái niệm xuất xứ trong Quy chế (CEE) số 2913/92 của Hội đồng Liên minh Châu Âu<sup>1</sup> có thể được thông qua theo quy định của Quy chế này.

▼M5

Mis en forme : Non souligné

4. Căn cứ trên lợi ích của Cộng đồng, Ủy ban Châu Âu có thể ra quyết định hoãn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá theo quy định tại Quy chế này trong thời hạn 9 tháng, trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn. Thời hạn hoãn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá có thể được gia hạn thêm, nhưng không quá 1 năm, nếu Hội đồng Liên minh Châu Âu ra quyết định gia hạn theo kiến nghị của Ủy ban Châu Âu. Kiến nghị của Ủy ban được Hội đồng thông qua trừ phi Hội đồng ra quyết định bác bỏ theo nguyên tắc đa số tương đối trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày Ủy ban trình lên. Nếu các điều kiện thị trường đã tạm thời thay đổi đến mức thiệt hại không chắc lại xảy ra sau khi hoãn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, thì Ủy ban có thể quyết định hoãn vô thời hạn, với điều kiện ngành sản xuất của Cộng đồng đã được tạo điều kiện để trình bày ý kiến và ý kiến của họ đã được xem xét. Trong trường hợp này, vào bất kỳ lúc nào và trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, Ủy ban Châu Âu có thể quyết định tiếp tục áp dụng các biện pháp chống bán phá giá nếu không còn lý do hợp lý để hoãn áp dụng.

▼B

Mis en forme : Non souligné

5. Trên cơ sở tham khảo ý kiến Ủy ban tư vấn, Ủy ban Châu Âu có thể yêu cầu cơ quan hải quan phải có biện pháp thích hợp để đăng ký hàng hóa nhập khẩu sao cho sau đó có thể

<sup>1</sup> Công báo số L 302 ngày 19/10/1992, tr. 1.

xác định thời hạn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa này kể từ ngày đăng ký hải quan. Hàng hóa nhập khẩu có thể phải làm thủ tục đăng ký hải quan khi có yêu cầu thỏa đáng của ngành sản xuất của Cộng đồng. Quy định bắt buộc đăng ký hải quan phải nêu rõ đối tượng bắt buộc phải đăng ký và trong trường hợp cần thiết, ước tính mức thuế có thể phải nộp trong tương lai. Thời hạn bắt buộc đăng ký hàng hóa nhập khẩu không được quá 9 tháng.

6. Các Quốc gia thành viên báo cáo định kỳ hàng tháng cho Ủy ban về tình hình nhập khẩu hàng hóa thuộc diện bị điều tra hoặc bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và về giá trị thuế chống bán phá giá đã thu được theo quy định tại Quy chế này.

▼M5

Mis en forme : Non souligné

7. Trên cơ sở không trái với quy định tại khoản 6, Ủy ban có thể đề nghị các Quốc gia thành viên, tùy từng vụ việc, cung cấp các thông tin cần thiết để việc kiểm tra việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá được hiệu quả. Trong trường hợp này, áp dụng các quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6. Thông tin do các Quốc gia thành viên cung cấp theo quy định tại Điều này được sử dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 19.

▼B

Mis en forme : Non souligné

#### Điều 15

#### Tham vấn

1. Các cuộc tham vấn quy định tại Quy chế này được tổ chức trong phạm vi Ủy ban tư vấn, bao gồm đại diện của từng Quốc gia thành viên và do đại diện của Ủy ban Châu Âu làm chủ tịch. Việc tham vấn được tiến hành ngay khi có yêu cầu của một Quốc gia thành viên hoặc do Ủy ban Châu Âu chủ động tiến hành và trong mọi trường hợp, phải diễn ra trong một thời gian hợp lý để bảo đảm tuân thủ các thời hạn được quy định tại Quy chế này.

▼M5

Mis en forme : Non souligné

2. Ủy ban tư vấn họp theo triệu tập của chủ tịch Ủy ban. Chủ tịch Ủy ban tư vấn phải sớm thông báo cho các Quốc gia thành viên, muộn nhất là 10 ngày làm việc trước ngày họp, về mọi thông tin cần thiết.

▼B

Mis en forme : Non souligné

3. Trong trường hợp cần thiết, việc tham vấn có thể chỉ được thực hiện bằng văn bản; trong trường hợp này, Ủy ban Châu Âu thông báo cho các Quốc gia thành viên và dành thời hạn cho các Quốc gia thành viên trình bày ý kiến hoặc yêu cầu chủ tịch Ủy ban tư vấn tổ chức tham vấn trực tiếp bằng lời nói, với điều kiện cuộc tham vấn bằng lời nói này phải diễn ra trong một thời gian hợp lý để bảo đảm tuân thủ các thời hạn quy định tại Quy chế này.

4. Nội dung tham vấn chủ yếu bao gồm:

- a) xác định hành vi bán phá giá hàng hóa nhập khẩu và các phương pháp xác định biên độ phá giá;
- b) xác định thiệt hại và mức độ thiệt hại;
- c) mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá hàng hóa nhập khẩu với thiệt hại;

Mis en forme : Retrait :  
Gauche : 0 cm, Suspendu :  
0,75 cm, Numéros + Niveau : 1  
+ Style de numérotation : a, b,  
c, ... + Commencer à : 1 +  
Alignement : Gauche +  
Alignement : 0,63 cm +  
Tabulation après : 1,27 cm +  
Retrait : 1,27 cm,  
Tabulations : Pas à 1,27 cm

- d) các biện pháp thích hợp, tùy từng trường hợp, nhằm ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại do bán phá giá gây ra, cũng như phương thức áp dụng các biện pháp đó.

#### Điều 16

##### Kiểm tra tại cơ sở

1. Ủy ban Châu Âu tổ chức đi khảo sát tại cơ sở, vào thời điểm thích hợp, nhằm kiểm tra sổ sách của các nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, nhà phân phối, đại lý, nhà sản xuất, các hiệp hội và tổ chức nghề nghiệp và thẩm định các thông tin về bán phá giá và thiệt hại do các bên cung cấp. Nếu các bên liên quan không trả lời bằng câu hỏi đúng hạn thì Ủy ban có thể không tiến hành kiểm tra tại cơ sở.
2. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Châu Âu có thể tiến hành điều tra ở nước thứ ba với điều kiện được sự đồng ý của các doanh nghiệp liên quan đồng thời Ủy ban phải thông báo chính thức cho Chính phủ nước liên quan và không có ý kiến phản đối từ phía Chính phủ nước liên quan đó. Ngay khi nhận được sự đồng ý của các doanh nghiệp liên quan, Ủy ban phải thông báo cho chính quyền nước xuất khẩu tên và địa chỉ của các doanh nghiệp mà Ủy ban sẽ đến kiểm tra, cũng như thời điểm kiểm tra đã thỏa thuận.
3. Các doanh nghiệp liên quan được thông báo về loại thông tin cần thẩm định và mọi thông tin khác cần cung cấp trong quá trình kiểm tra, tuy nhiên, ngay trong quá trình kiểm tra, cơ quan điều tra vẫn có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thêm những thông tin chi tiết khác, trên cơ sở đã xem xét các thông tin nhận được.
4. Trong quá trình kiểm tra tại cơ sở theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3, Ủy ban được các viên chức của các Quốc gia thành viên trợ giúp nếu họ có nguyện vọng đó.

#### Điều 17

##### Chọn mẫu điều tra

1. Trong trường hợp số lượng bên khởi kiện chống bán phá giá, nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu, số loại hàng hóa hoặc giao dịch liên quan quá lớn, cơ quan điều tra có thể giới hạn diện điều tra ở một số bên, một số hàng hóa hoặc giao dịch nhất định bằng cách sử dụng mẫu thống kê có tính đại diện, trên cơ sở những thông tin sẵn có vào thời điểm chọn mẫu, hoặc giới hạn ở khối lượng hàng hóa được sản xuất, bán hoặc xuất khẩu lớn nhất mà việc điều tra với đối tượng đó có thể hoàn thành trong thời hạn quy định.
2. Ủy ban Châu Âu có quyền quyết định cuối cùng về việc chọn nhà sản xuất, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, loại hàng hóa hoặc giao dịch để điều tra, phù hợp với quy định pháp luật về chọn mẫu, nhưng phải ưu tiên chọn mẫu trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan hoặc có sự đồng ý của các bên liên quan, với điều kiện các bên liên quan này phải trình bày quan điểm của mình và cung cấp đầy đủ thông tin trong thời hạn 3 tuần kể từ ngày bắt đầu điều tra để kịp chọn được mẫu điều tra có tính đại diện.
3. Trong trường hợp giới hạn diện điều tra theo quy định tại Điều này, cơ quan điều tra vẫn tính biên độ phá giá riêng cho các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu mà ban đầu không được đưa vào mẫu điều tra nhưng đã cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết đúng thời hạn quy định tại Quy chế này, trừ phi số lượng nhà sản xuất hoặc xuất khẩu quá lớn nên việc xác định biên độ phá giá riêng có thể khiến cho công việc điều tra trở nên phức tạp không cần thiết và có thể không được hoàn thành đúng hạn.

4. Trong trường hợp đã quyết định điều tra bằng phương pháp chọn mẫu nhưng nếu tất cả hoặc một số bên thuộc mẫu điều tra từ chối hợp tác, đến mức có thể ảnh hưởng xấu đáng kể đến kết quả điều tra, thì cơ quan điều tra có thể tiến hành chọn lại mẫu. Tuy nhiên, nếu các bên liên quan vẫn từ chối hợp tác hoặc nếu không có đủ thời gian để chọn lại mẫu thì áp dụng các quy định liên quan tại Điều 18.

#### Điều 18

#### Bất hợp tác

1. Trong trường hợp một bên liên quan không cho cơ quan điều tra tiếp cận các thông tin cần thiết hoặc không cung cấp các thông tin cần thiết đúng thời hạn quy định tại Quy chế này hoặc gây trở ngại đáng kể đến việc điều tra, thì kết luận sơ bộ hoặc kết luận cuối cùng, dù xác định là có bán phá giá và gây thiệt hại hay không có bán phá giá và không gây thiệt hại, cũng đều có thể dựa trên những thông tin sẵn có. Nếu xác định được là một bên liên quan đã cung cấp thông tin sai lệch hoặc lừa dối, thì cơ quan điều tra không xem xét đến thông tin đó và có quyền sử dụng các thông tin sẵn có. Các bên liên quan phải được thông báo về hậu quả xảy ra trong trường hợp từ chối hợp tác.

2. Việc không cung cấp bản trả lời câu hỏi điều tra dưới dạng số không bị coi là sự từ chối hợp tác, với điều kiện bên liên quan chứng minh được rằng việc trình bày bản trả lời dưới hình thức như cơ quan điều tra yêu cầu có thể khiến họ phải trả một khoản chi phí phụ trội quá mức.

3. Trong trường hợp các thông tin do một bên liên quan cung cấp không phải là thông tin xác thực và đầy đủ xét trên mọi phương diện, các thông tin đó vẫn sẽ được xem xét, nếu hội đủ các điều kiện sau: những thiếu sót trong việc cung cấp thông tin của bên liên quan không gây khó khăn quá lớn cho việc đưa ra kết luận điều tra chính xác theo quy định của pháp luật, thông tin được cung cấp đúng thời hạn quy định, thông tin đó có thể kiểm tra được và bên liên quan đó đã làm hết khả năng của mình.

4. Nếu các chứng cứ hoặc thông tin do các bên liên quan cung cấp không được chấp nhận, thì bên đã cung cấp chứng cứ hoặc thông tin đó phải được thông báo ngay lập tức về lý do không chấp nhận và phải được tạo điều kiện để giải thích hoặc bổ sung thông tin trong thời hạn nhất định. Nếu nội dung giải thích hoặc bổ sung không được cho là thỏa đáng, thì lý do không chấp nhận các chứng cứ hoặc thông tin nói trên phải được thông báo và đưa vào nội dung kết luận điều tra để công bố công khai.

5. Trong trường hợp các kết luận điều tra, kể cả kết luận liên quan đến giá trị thông thường, dựa trên những thông tin theo quy định tại khoản 1, nhất là thông tin do bên khởi kiện cung cấp, cần phải thẩm định những thông tin đó bằng cách tham khảo các nguồn thông tin độc lập sẵn có khác, ví dụ như các biểu giá đã được công bố, các số liệu thống kê chính thức về tình hình nhập khẩu và các biên lai thuế quan, hoặc so sánh với thông tin do các bên liên quan khác cung cấp trong quá trình điều tra, nếu điều đó có thể thực hiện được và trong phạm vi cho phép của thời hạn điều tra. ►**M4** Các thông tin này có thể bao gồm cả những thông tin thích hợp liên quan đến thị trường thế giới hoặc các thị trường đại diện khác, nếu có. ◀

6. Nếu một bên liên quan không hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ và dẫn đến hậu quả là các thông tin cần thiết không được cung cấp, thì bên đó có thể sẽ gặp bất lợi hơn so với khi hợp tác đầy đủ.

### Điều 19

#### Bảo mật thông tin

1. Mọi thông tin có tính chất bí mật (chẳng hạn như những thông tin mà việc công bố có thể sẽ tạo lợi thế đáng kể cho đối thủ cạnh tranh hoặc có thể gây bất lợi đáng kể cho bên cung cấp thông tin hoặc bên đã gửi thông tin cho bên cung cấp) hoặc được các bên liên quan đến quá trình điều tra cung cấp một cách bí mật sẽ được cơ quan điều tra bảo mật, nếu bên cung cấp thông tin có yêu cầu với lý do thỏa đáng.

2. Nếu các bên liên quan đã cung cấp thông tin bảo mật thì có nghĩa vụ tóm tắt những thông tin bảo mật đó. Bản tóm tắt này phải có mức độ chi tiết đủ để cho phép cơ quan điều tra nắm được nội dung chính của các thông tin được cung cấp một cách bí mật. Trong trường hợp đặc biệt, các bên nói trên có thể trình bày rằng các thông tin đó không thể tóm tắt được và trong trường hợp này thì phải nêu rõ lý do giải thích việc không thể cung cấp bản tóm tắt những thông tin bảo mật.

3. Trong trường hợp xác định được là yêu cầu bảo mật thông tin không có căn cứ nhưng nếu bên đã cung cấp thông tin không muốn công bố thông tin đó và không cho phép công khai toàn bộ lẫn bản tóm tắt thông tin đó, thì thông tin đó có thể không được sử dụng, trừ phi chứng minh được một cách thuyết phục từ những nguồn thích hợp rằng đó là thông tin chính xác. Yêu cầu bảo mật thông tin không thể bị bác bỏ một cách tùy tiện.

4. Điều này không cấm cơ quan điều tra của Cộng đồng công bố những thông tin chung, nhất là các căn cứ để đưa ra các quyết định theo quy định tại Quy chế này, cũng như các chứng cứ mà cơ quan điều tra của Cộng đồng sử dụng trong trường hợp cần thiết để chứng minh cho những căn cứ ra quyết định của mình trong quá trình giải quyết khiếu kiện trước Tòa án. Việc công bố thông tin nói trên phải dựa trên cơ sở tính đến lợi ích chính đáng của các bên liên quan sao cho bí mật kinh doanh của họ không bị tiết lộ.

5. Hội đồng Liên minh Châu Âu, Ủy ban Châu Âu và các Quốc gia thành viên hoặc viên chức của các Quốc gia thành viên không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào nhận được theo quy định tại Quy chế này mà bên cung cấp thông tin đã yêu cầu bảo mật, nếu không được bên cung cấp cho phép tiết lộ. Các thông tin được trao đổi giữa Ủy ban và các Quốc gia thành viên, các thông tin liên quan đến việc tham vấn được tổ chức theo quy định tại Điều 15 hoặc các tài liệu nội bộ do các cơ quan của Cộng đồng hoặc do các Quốc gia thành viên chuẩn bị sẽ không được công bố, trừ phi việc công bố những thông tin đó đã được quy định rõ tại Quy chế này.

▼M5

6. Các thông tin nhận được theo quy định tại Quy chế này chỉ được sử dụng vào đúng mục đích đặt ra theo yêu cầu cung cấp thông tin. Quy định này không loại trừ việc sử dụng các thông tin nhận được vào việc điều tra nhằm mục đích mở các cuộc điều tra khác trong cùng một thủ tục chống bán phá giá áp dụng đối với hàng hóa liên quan.

▼B

Mis en forme : Non souligné

Mis en forme : Non souligné

## Điều 20

### Thông báo công khai cho các bên

1. Bên khởi kiện chống bán phá giá, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu cũng như các hiệp hội đại diện cho họ và đại diện của nước xuất khẩu có quyền yêu cầu được thông báo chi tiết về các sự việc và nhận định chính được sử dụng làm căn cứ để đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp chống bán phá giá tạm thời. Yêu cầu được thông báo phải được gửi bằng văn bản ngay sau khi có quyết định áp dụng các biện pháp tạm thời; thông báo về việc áp dụng các biện pháp tạm thời phải được gửi bằng văn bản cho các bên liên quan càng sớm càng tốt.
2. Các bên được quy định tại khoản 1 có quyền yêu cầu được thông báo chính thức về các sự việc và nhận định chính được sử dụng làm căn cứ để kiến nghị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá chính thức hoặc kiến nghị chấm dứt điều tra hoặc thủ tục chống bán phá giá mà không áp dụng các biện pháp chống bán phá giá. Thông báo chính thức phải đặc biệt chú ý đến các sự việc và nhận định khác với các sự việc và nhận định đã được sử dụng làm căn cứ để đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp tạm thời.
3. Yêu cầu được thông báo chính thức quy định tại khoản 2 phải được gửi bằng văn bản cho Ủy ban Châu Âu và trong trường hợp đã áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời thì văn bản yêu cầu phải được gửi đến chậm nhất 1 tháng sau khi công bố quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời. Trong trường hợp không áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời, các bên phải có quyền yêu cầu được thông báo trong thời hạn do Ủy ban ấn định.
4. Thông báo chính thức phải được gửi bằng văn bản cho các bên liên quan. Trên nguyên tắc bảo vệ những thông tin bảo mật, thông báo này phải được gửi đi càng sớm càng tốt và thông thường chậm nhất là 1 tháng trước khi có quyết định chính thức hoặc trước khi Ủy ban kiến nghị Hội đồng ra quyết định chính thức theo quy định tại Điều 9. Trong trường hợp Ủy ban không thể công bố một số sự việc và nhận định vào thời điểm đó, thì việc thông báo bổ sung sau đó phải được tiến hành càng sớm càng tốt. Việc thông báo công khai không gây trở ngại đối với mọi quyết định mà Ủy ban hoặc Hội đồng có thể ban hành sau này và nếu quyết định đó dựa trên những sự việc và nhận định khác thì những sự việc và nhận định đó phải được công bố càng sớm càng tốt.
5. Ý kiến nhận xét do các bên liên quan đưa ra sau khi nhận được thông báo chính thức chỉ có thể được xem xét với điều kiện các ý kiến đó được gửi đến Ủy ban trong thời hạn do Ủy ban ấn định tùy theo từng trường hợp, trên cơ sở xem xét đến tính cấp bách của vụ việc, nhưng tối thiểu sẽ là 10 ngày.

## Điều 21

### Lợi ích của Cộng đồng

1. Để xác định xem việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá có phù hợp hay không phù hợp của với lợi ích của Cộng đồng, cần phải xem xét đến tất cả các lợi ích liên quan trong Cộng đồng, kể cả lợi ích của ngành sản xuất của Cộng đồng và lợi ích của người sử dụng và người tiêu dùng. Việc xác định này chỉ có thể diễn ra nếu tất cả các bên liên quan đã được tạo điều kiện để trình bày quan điểm của mình theo quy định tại khoản 2. Quá trình xem xét phải đặc biệt chú ý đến yêu cầu khắc phục hậu quả làm sai lệch quan hệ trao

đổi thương mại do việc bán phá giá gây ra và khôi phục quan hệ cạnh tranh thực tế. Có thể không áp dụng các biện pháp chống bán phá giá mặc dù đã xác định là có bán phá giá và có thiệt hại, nếu cơ quan có thẩm quyền có thể căn cứ trên mọi thông tin nhận được để đưa ra kết luận rằng việc áp dụng các biện pháp đó không phù hợp với lợi ích của Cộng đồng.

2. Để cơ quan điều tra có cơ sở đáng tin cậy, cho phép họ cân nhắc đến mọi quan điểm và mọi thông tin khi xem xét tính phù hợp của việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá với lợi ích của Cộng đồng, bên khởi kiện chống bán phá giá, nhà nhập khẩu và hiệp hội đại diện của họ và các tổ chức bảo vệ quyền lợi của người sử dụng và người tiêu dùng có thể trình bày quan điểm của mình và cung cấp thông tin cho Ủy ban Châu Âu trong thời hạn quy định tại thông báo mở điều tra chống bán phá giá. Các thông tin này hoặc tổng hợp các thông tin này được thông báo cho các bên khác quy định tại Điều này để họ trình bày ý kiến về vấn đề đó.

3. Các bên đã tuân theo quy định tại khoản 2 có quyền yêu cầu được hỏi ý kiến. Các yêu cầu này chỉ được tiếp nhận nếu được gửi đến bằng văn bản trong thời hạn quy định tại khoản 2 và nêu rõ lý do cụ thể để tổ chức lấy ý kiến về lợi ích của Cộng đồng.

4. Các bên đã tuân theo quy định tại khoản 2 có thể trình bày quan điểm của mình về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời. Để được xem xét, các ý kiến đó phải được gửi đến trong thời hạn 1 tháng kể từ khi bắt đầu áp dụng các biện pháp tạm thời và phải được thông báo, có thể dưới hình thức tổng hợp thông tin, cho các bên khác để họ trình bày ý kiến về vấn đề đó.

5. Ủy ban xem xét mọi thông tin nhận được trong đúng thời hạn quy định và đánh giá mức độ tiêu biểu của các thông tin đó; kết quả đánh giá cũng như ý kiến nhận xét về căn cứ xác thực của các thông tin đó được thông báo cho Ủy ban tư vấn. Ủy ban Châu Âu phải cân nhắc đến ý kiến chung của Ủy ban tư vấn trong mọi kiến nghị trình lên Hội đồng Liên minh Châu Âu theo quy định tại Điều 9.

6. Các bên đã tuân theo quy định tại khoản 2 có quyền yêu cầu được thông báo về các sự việc và nhận định có thể được sử dụng làm căn cứ để đưa ra quyết định cuối cùng. Việc công bố thông tin này được thực hiện bằng mọi phương thức thích hợp và trên cơ sở không gây cản trở đến mọi quyết định do Ủy ban hoặc Hội đồng ban hành sau này.

7. Thông tin do các bên cung cấp chỉ được chú ý xem xét nếu có đủ chứng cứ cụ thể chứng minh tính xác thực của thông tin đó.

#### *Điều 22*

#### **Điều khoản cuối cùng**

Quy chế này không loại trừ việc áp dụng:

- a) những quy định riêng trong các hiệp định ký giữa Liên minh Châu Âu và các nước thứ ba;
- b) những quy định pháp luật của Cộng đồng trong lĩnh vực nông nghiệp và các Quy chế (CEE) số 3448/93 của Hội đồng Liên minh Châu Âu<sup>1</sup>, (CEE) số 2730/75 của Hội đồng

---

<sup>1</sup> Công báo số L 318 ngày 20/12/1992, tr. 8.

Liên minh Châu Âu<sup>1</sup> và (CEE) số 2783/75 của Hội đồng Liên minh Châu Âu<sup>2</sup>. Quy chế này được áp dụng theo nguyên tắc bổ sung cho các Quy chế trên và thay thế mọi quy định của các Quy chế đó có tính chất ngăn cản việc áp dụng thuế chống bán phá giá.

- c) các biện pháp riêng, với điều kiện phải phù hợp với các nghĩa vụ cam kết trong khuôn khổ hiệp định chung.

#### *Điều 23*

#### **Bãi bỏ quy định pháp luật hiện hành và các quy định tạm thời**

Bãi bỏ Quy chế (CE) số 3283/94, trừ khoản 1 Điều 23.

Tuy nhiên, việc bãi bỏ Quy chế (CE) số 3283/94 không ảnh hưởng đến hiệu lực của các thủ tục đã được tiến hành theo quy định của Quy chế đó.

Việc dẫn chiếu đến Quy chế (CEE) số 2423/88 và Quy chế (CE) số 3283/94 phải được hiểu là dẫn chiếu đến Quy chế này.

#### *Điều 24*

#### **Điều khoản thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày đăng *Công báo của các Cộng đồng Châu Âu*.

Tuy nhiên, các thời hạn quy định tại khoản 9 Điều 5, khoản 9 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 có hiệu lực đối với các trường hợp đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá nộp theo quy định tại khoản 9 Điều 5 cũng như đối với các cuộc điều tra được mở khi có đơn yêu cầu đó kể từ ngày 1/9/1995 hoặc muộn hơn.

Quy chế này có hiệu lực áp dụng bắt buộc và trực tiếp trong mọi Quốc gia thành viên.

---

<sup>1</sup> Công báo số L 281 ngày 1/11/1975, tr. 20. Quy chế này đã được sửa đổi bổ sung theo Quy chế (CEE) số 222/88 của Ủy ban Châu Âu (Công báo số L 28 ngày 1/2/1988, tr. 1).

<sup>2</sup> Công báo số L 282 ngày 1/11/1975, tr. 104. Quy chế này đã được sửa đổi bổ sung theo Quy chế (CEE) số 3290/94 (Công báo số L 349 ngày 31/12/1994, tr. 105).